

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

**Biểu mẫu 18C**  
**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Thủ Dầu Một  
năm học 2019 -2020**

**C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành**

**1.1. Chương trình Quản trị kinh doanh, khóa học 2017-2021**

| <b>ST<br/>T</b> | <b>Tên môn học</b> | <b>Mục đích môn học</b>  | <b>Số tín<br/>chỉ</b> | <b>Lịch trình<br/>giảng dạy</b> | <b>Phương pháp<br/>đánh giá sinh<br/>viên</b> |
|-----------------|--------------------|--|-----------------------|---------------------------------|---|
| 1.              | Luật kinh tế       | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực pháp luật kinh tế như: Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật Thương mại, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh và Luật Phá sản. Từ đó, sinh viên có những nhận thức chung về pháp luật điều chỉnh những hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường.  | 2 (2 + 0)             | Học kỳ 2                        | Tự luận                                       |
| 2.              | Kinh tế vi mô      | Kinh tế vi mô bao gồm các kiến thức cơ bản nghiên cứu cách thức mà các hộ gia đình, các doanh nghiệp ra quyết định và tác động lẫn nhau trong một thị trường nào đó ở giác độ chi tiết, riêng lẻ. Nội dung môn học gồm các vấn đề lớn: Các vấn đề chung: Giới thiệu các khái niệm và 3 vấn đề cơ bản của kinh tế vi mô. Cung & cầu: giải thích các yếu tố xác định hàm số cung và hàm số cầu, các quy luật tác động đến cung và cầu. Lý thuyết người tiêu dùng: nghiên cứu hành vi người tiêu dùng và phương pháp lựa chọn tối ưu. Lý thuyết về sản xuất và chi phí: nghiên cứu hành vi nhà sản xuất, phương pháp lựa chọn tối ưu, đặc điểm và tính chất của các loại thị trường | 3 (3 + 0)             | Học kỳ 1                        | Trắc nghiệm                                   |

|    |                                    |   |           |          |           |
|----|------------------------------------|---|-----------|----------|-----------|
| 3. | Nhập môn ngành quản trị Kinh doanh | Nhập ngành Quản trị kinh doanh là học phần khoa học về lĩnh vực Quản trị Kinh doanh. Trong học phần được tích lũy, tổng hợp và kế thừa các lý thuyết cơ bản về khoa học quản trị kinh doanh có xét đến điều kiện thực tiễn tại Việt Nam, cùng với các học phần khác, trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong thực tiễn và lý luận nhằm giúp cho người học có thể theo học các học phần tiếp theo của ngành Quản trị Kinh doanh và vận dụng trong thực tiễn tác nghiệp sau khi tốt nghiệp  | 3 (2 + 1) | Học kỳ 1 | Tiểu luận |
| 4. | Pháp luật đại cương                | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Để đạt được mục tiêu đó, nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn có những nội dung về pháp luật chuyên ngành bao gồm: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Lao động, Luật Hình sự và bổ sung 5 thêm một nội dung mới theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và đào tạo là Pháp luật về phòng, chống tham nhũng | 2 (2 + 0) | Học kỳ 1 | Tự luận   |
| 5. | Toán cao cấp C1                    | Học phần giới thiệu về phép tuyến tính vi phân hàm một biến, hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm vi phân. Bên cạnh đó, giới thiệu một số ứng dụng đạo hàm trong bài toán kinh tế và các ứng dụng của tích phân trong kinh tế.   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 1 | Tự luận   |
| 6. | Tư duy biện luận – sáng tạo        | Môn học củng cố cho sinh viên cách tư duy biện luận, cách học, nghiên cứu và ứng xử một cách hiệu quả và chuyên nghiệp nhằm đáp ứng các yêu cầu về phương pháp làm việc, học tập và nghiên cứu trong bậc đại học; giúp sinh viên có khả năng thích ứng với nhiều môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa. Giúp sinh viên vận dụng linh hoạt các tài liệu cũng như tự tìm tòi, bổ sung, cập nhật phù hợp với ngành của mình để thực hành, giải quyết bài tập tình huống ứng dụng   | 2 (2 + 0) | Học kỳ 1 | Tiểu luận |

|     |                                     |   |           |          |             |
|-----|-------------------------------------|---|-----------|----------|-------------|
| 7.  | Nhập môn nghiên cứu khoa học        | Trong học phần này, bạn sẽ học cách nhận thức về tư duy, vận dụng các công cụ tư duy vào thiết kế một ý tưởng nghiên cứu khoa học; cũng như biết cách xây dựng đề cương nghiên cứu.<br>Học phần này sẽ cung cấp cho bạn những công cụ của tư duy giúp bạn nhận biết được những ý tưởng sáng tạo của bản thân, khả năng áp dụng vào thực tiễn, học tập và nghiên cứu khoa học.   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 2 | Tiểu luận   |
| 8.  | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | Định hướng chung của môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản của lý thuyết xác suất và thống kê toán. Sinh viên hiểu được sự vận dụng quy luật xác suất để xây dựng các phương pháp ra quyết định trong điều kiện thông tin không đầy đủ trong thống kê. Các kiến thức xác suất thống kê học được phải có tính thực tiễn để người học có thể áp dụng vào thực tế của ngành học.   | 3 (3 + 0) | Học kỳ 1 | Tự luận     |
| 9.  | Marketing căn bản                   | Môn học được thiết kế với mục tiêu chỉ ra các hoạt động cơ bản trong quá trình xác định và đáp ứng nhu cầu và mong muốn của khách hàng mục tiêu. Những kiến thức cơ bản về Marketing còn giúp sinh viên lý giải được một số sự vật hiện tượng xảy ra trong đời sống hàng ngày. Ngoài ra, trong suốt quá trình học, sinh viên có thể hình thành một số kỹ năng cá nhân: tư duy phản biện (cấp độ cơ bản), kỹ năng làm việc nhóm; và nhận thức những giá trị cốt lõi và thái độ đúng đắn của một người làm marketing. | 2 (1 + 1) | Học kỳ 2 | Trắc nghiệm |
| 10. | Nguyên lý thống kê kinh tế          | Học phần Nguyên lý thống kê kinh tế nghiên cứu những cơ sở lý luận, phương pháp luận của thống kê học ; cung cấp hệ thống các khái niệm cơ bản trong thống kê, các phương pháp trình bày dữ liệu ; thống kê mô tả ; phân tích thống kê làm cơ sở cho dự báo các hiện tượng khoa học và logic. Học phần còn là nền tảng quan trọng cho các học phần có liên quan như Phương pháp định lượng, Kinh tế lượng,... cũng như trong công tác nghiên cứu khoa học   | 3(3 + 0)  | Học kỳ 2 | Tự luận     |

|     |  |   |           |          |           |
|-----|--|---|-----------|----------|-----------|
| 11. | Thực tập 1                                       | <p>Trong quá trình thực tập, sinh viên đến doanh nghiệp tìm hiểu các vấn đề sau:</p> <p>Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hệ thống quản trị của các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), các ngân hàng, quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm...</p> <p>Cần vận dụng kiến thức các môn đã học vào việc phân tích tổng quan, nêu ra được một số vấn đề về quản trị cần giải quyết tại đơn vị thực tập.</p>  | 3(0+3)    | Học kỳ 4 | Báo cáo   |
| 12. | Quản trị học                                     | <p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp). Qua học phần này người học sẽ nắm được lý thuyết chung về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp), bao gồm : khái niệm và sự cần thiết của quản trị, các chức năng cơ bản của quản trị, các kỹ năng yêu cầu đối với nhà quản trị, ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của doanh nghiệp, ra quyết định quản trị, lãnh đạo và động viên nhân viên. Ngoài ra học phần còn đề cập đến các tư tưởng quản trị và một số mô hình quản trị hiện đại.</p>  | 3 (2 + 1) | Học kỳ 1 | Tiểu luận |
| 13. | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin | <p>Ngoài 1 chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương: Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin; phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; phần thứ ba có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.</p> | 5(5+0)    | Học kỳ 2 | Tự luận   |
| 14. | Tư tưởng Hồ Chí Minh                             | <p>Ngoài chương mở đầu, nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng</p>  | 2 (2 + 0) | Học kỳ 2 | Tự luận   |

|     |                   |  |           |          |             |
|-----|-------------------|--|-----------|----------|-------------|
|     |                   | Việt Nam.  |           |          |             |
| 15. | Kinh tế vĩ mô     | <p>Kinh tế vĩ mô bao gồm các kiến thức cơ bản nghiên cứu cách thức tác động của các chính sách lên các chỉ tiêu kinh tế quốc gia. Nội dung môn học gồm các vấn đề lớn: Khái quát về kinh tế học vĩ mô: Giới thiệu các vấn đề của kinh tế vĩ mô và các công cụ điều tiết vĩ mô của chính phủ. Đo lường sản lượng quốc gia: Giới thiệu phương pháp xác định sản lượng quốc gia (GDP). Xác định sản lượng cân bằng trong nền kinh tế mở: Nghiên cứu phương pháp xác định sản lượng cân bằng và sự thay đổi của các thành phần trong tổng cầu tác động đến sản lượng quốc gia. Thị trường tiền tệ: Giới thiệu cung-cầu, sự cân bằng trên thị trường tiền tệ và tác động của lãi suất đến sản lượng quốc gia. Thị trường ngoại tệ và cán cân thanh toán: Giới thiệu thị trường ngoại tệ, cán cân thanh toán và tác động của TGHH đến sản lượng quốc gia. Mô hình IS – LM: Giới thiệu đường IS – LM và sự cân bằng trên thị trường hàng hóa và tiền tệ. Tổng cung – Tổng cầu: Giới thiệu tổng cung – tổng cầu và mô hình AS – AD. Phân tích chính sách kinh tế vĩ mô: Nghiên cứu tác động của các chính sách đến tổng cầu. Lạm phát – Thất nghiệp: Tác động của thất nghiệp và lạm phát – Các biện pháp hạn chế.</p> | 3 (3 + 0) | Học kỳ 2 | Trắc nghiệm |
| 16. | Nguyên lý kế toán | <p>Môn Nguyên lý kế toán nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kế toán – một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Sinh viên được trình bày về những lý thuyết căn bản, mục tiêu của kế toán, đối tượng của kế toán, nguyên tắc và các phương pháp kế toán được vận dụng cũng như các bước thực hành cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản,...) Sinh viên được thực hành về các bước cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên</p>  | 3(2 + 1)  | Học kỳ 2 | Tự luận     |

|     |                                |   |           |          |         |
|-----|--------------------------------|---|-----------|----------|---------|
|     |                                | được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản,...)  |           |          |         |
| 17. | Phân tích hoạt động kinh doanh | Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh chuyển tải các kiến thức về Phân tích đánh giá các hoạt động SXKD của doanh nghiệp. Bao gồm các nội dung: Ý nghĩa, vai trò, chức năng và tầm quan trọng của phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp; Các phương pháp và kỹ thuật phân tích HĐKD; Ứng dụng các phương pháp phân tích vào phân tích cụ thể các mặt của hoạt động kinh doanh: Phân tích kết quả sản xuất về khối lượng và chất lượng sản phẩm, phân tích Chi phí và giá thành cùng các yếu tố ảnh hưởng đến chi phí và giá thành, phân tích doanh thu - lợi nhuận và các nhân tố ảnh hưởng đến doanh thu - lợi nhuận, và phân tích báo tài chính của doanh nghiệp.             | 3 (2 + 1) | Học kỳ 3 | Tự luận |
| 18. | Quản trị tài chính             | Học phần này trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu cơ bản về tài chính doanh nghiệp: tổng quan về tài chính doanh nghiệp, phân tích các tỷ số tài chính của doanh nghiệp, quản lý các nguồn vốn của doanh nghiệp, quản lý đầu tư của doanh nghiệp, quản lý doanh lợi và rủi ro trong đầu tư của doanh nghiệp  | 2 (1 + 1) | Học kỳ 3 | Tự luận |
| 19. | Tài chính tiền tệ              | Học phần Tài chính tiền tệ là một học phần cơ sở ngành, nó cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Tài chính và tiền tệ Ngân hàng trong nền kinh tế thị trường. Bao gồm các nội dung như: Đại cương về tài chính, Chính sách tài chính quốc gia; Đại cương về Tiền tệ, Chính sách tiền tệ; Tín dụng; Lãi suất; Tài chính công; Vấn đề lạm phát và kiểm soát lạm phát; Hệ thống Ngân hàng trong nền kinh tế bao gồm Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia; Định chế tài chính phi ngân hàng; Tài chính quốc tế. Kiến thức Tài chính tiền tệ trở thành kiến thức cơ sở, nền tảng để người học tiếp cận các môn học chuyên ngành Tài chính ngân hàng. | 3 (3 + 0) | Học kỳ 3 | Tự luận |

|     |                               |   |           |          |           |
|-----|-------------------------------|---|-----------|----------|-----------|
| 20. | Toán cao cấp C2               | Học phần giới thiệu về Vi tích phân hàm một biến, Vi phân hàm nhiều biến và một số kiến thức cơ bản về Phương trình vi phân   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 1 | Tự luận   |
| 21. | Hành vi khách hàng            | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hành vi khách hàng thông qua các lý thuyết về tâm lý học, tâm lý xã hội học, nhân khẩu học, truyền thông, văn hóa và kinh tế học. Qua môn học sinh viên sẽ thông hiểu về vai trò trung tâm của khách hàng trong công tác marketing và có thể vận dụng các mô hình tiếp thu từ môn học làm công cụ phân tích hành vi khách hàng trong điều kiện thực tế.<br>Chiến lược marketing sẽ được xem xét dưới góc độ xã hội rộng hơn và sẽ bao gồm những vấn đề đương đại như đạo đức kinh doanh, các quy định của Nhà nước, phong trào bảo vệ người tiêu dùng...<br>Nội dung cụ thể bao gồm các khái niệm hành vi khách hàng ứng dụng trong việc ra quyết định marketing, các mô hình hành vi tiêu dùng, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định mua hàng của khách hàng, và nghiên cứu hành vi khách hàng. | 2 (1 + 1) | Học kỳ 3 | Tiểu luận |
| 22. | Kinh tế lượng                 | Định hướng chung của môn học thiên về hướng ứng dụng, không đi sâu về hướng lý thuyết và chứng minh về mặt toán học. Môn học giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản của việc sử dụng kinh tế lượng trong nghiên cứu ra quyết định, phân tích kinh tế, phân tích chính sách. Phương pháp ước lượng bình phương nhỏ nhất (Ordinary Least Squares –OLS) sẽ được trình bày một cách chi tiết cũng như các vi phạm giả thuyết; cách phát hiện; hệ quả và khắc phục. Bên cạnh đó, các chủ đề về các dạng hàm toán học và biến giả ứng dụng trong kinh tế lượng cũng sẽ được giới thiệu trong học phần này.   | 2 (2 + 0) | Học kỳ 3 | Tự luận   |
| 23. | Đường lối cách mạng của ĐCSVN | Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Chính vì thế, học phần Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam mang nhiều giá trị lý luận, thực tiễn sâu sắc và là nền tảng quan trọng trong việc nghiên cứu  | 3 (3 + 0) | Học kỳ 2 | Tự luận   |

|     |   |  |           |          |           |
|-----|---|--|-----------|----------|-----------|
|     |   | <p>những vấn đề chuyên sâu của các ngành khoa học xã hội.</p> <p>Học phần này sẽ cung cấp những kiến thức về hệ thống những đường lối cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng niềm tin, có ý thức tán thành, ủng hộ chủ trương, đường lối chính sách của Đảng. Nội dung gồm 8 chủ đề: Chương 1: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Chương 2: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Chương 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Chương 4: Đường lối công nghiệp hoá; Chương 5: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Chương 6: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Chương 7: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; Chương 8: Đường lối đối ngoại.</p> |           |          |           |
| 24. | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế | <p>Môn học tập trung vào các phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và xã hội nhằm giúp học viên có khả năng thực hiện một nghiên cứu quan tâm trong tương lai dưới dạng độc lập cá nhân hay nhóm. Những nội dung được đề cập bao gồm xác định vấn đề, thiết kế nghiên cứu và thực hiện một nghiên cứu thực nghiệm (đánh giá những nghiên cứu trước, thu thập dữ liệu, sử dụng công cụ phân tích, viết và trình bày nghiên cứu...).</p>   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 3 | Tiểu luận |
| 25. | Thanh toán quốc tế                            | <p>Học phần Thanh Toán Quốc Tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vấn đề thanh toán quốc tế trong lĩnh vực ngoại thương. Giúp sinh viên nắm bắt và thao tác và nghiệp vụ liên quan đến giao dịch thanh toán quốc tế, bao gồm các nghiệp vụ giao dịch hối đoái, các phương thức thanh toán trong giao dịch thương mại quốc tế. Cách thức và phương pháp xử lý bộ chứng từ để đảm bảo an toàn cho các bên tham gia</p>   | 3 (2 + 1) | Học kỳ 3 | Tự luận   |
| 26. | Quản trị hành chính văn phòng                 | <p>Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị Hành chính văn phòng, bao gồm những yếu tố môi trường tổng quát nhất tác động đến văn phòng của doanh nghiệp, của tổ chức, và những chức năng cơ bản của quản trị</p>  | 2 (1+1)   | Học kỳ 3 | Tiểu luận |



|     |                                 |   |           |          |                        |
|-----|---------------------------------|---|-----------|----------|------------------------|
|     |                                 | Hành chánh văn phòng trong tổ chức, trong đơn vị kinh doanh, bao gồm: hoạch định, tổ chức, điều khiển lãnh đạo, và kiểm tra/ kiểm soát công việc văn phòng.   |           |          |                        |
| 27. | Kỹ thuật Nghiệp vụ ngoại thương | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về nghiệp vụ ngoại thương như:<br>- Những điều kiện thương mại quốc tế Incoterms.<br>- Nguyên tắc cơ bản và kỹ thuật về thương lượng trong hợp đồng ngoại thương.<br>- Soạn thảo hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu.<br>- Chứng từ xuất nhập khẩu. tổ chức thực hiện hợp đồng ngoại thương.  | 2 (1 + 1) | Học kỳ 3 | Trắc nghiệm và tự luận |
| 28. | Nghiên cứu thị trường           | Môn học được thiết kế với mục tiêu chỉ ra sinh viên hiểu được vai trò, lợi ích của nghiên cứu thị trường, mối quan hệ giữa nghiên cứu thị trường và xây dựng chiến lược kinh doanh nhằm xác định và đáp ứng nhu cầu và mong muốn của khách hàng mục tiêu. Những kiến thức về nghiên cứu thị trường còn giúp sinh viên nắm được các phương pháp nghiên cứu thị trường, biết cách thẩm định, đánh giá báo cáo kết quả, phân tích kết quả nghiên cứu thị trường, ứng dụng nghiên cứu thị trường cho những lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Ngoài ra, trong suốt quá trình học, sinh viên có thể hình thành một số kỹ năng cá nhân: tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm; và nhận thức những giá trị cốt lõi và thái độ đúng đắn của một người làm marketing | 2 (1 + 1) | Học kỳ 3 | Tiểu luận              |
| 29. | Quản trị chất lượng             | - Cung cấp cho học viên những kiến thức thuộc lý thuyết chung, chuyên ngành cơ bản về QTCL hiện đang áp dụng trên thế giới và hướng đến năng lực học tập suốt đời.<br>- Vận dụng tốt các hệ thống quản lý phù hợp với QTCL từng loại hình tổ chức trong bối cảnh luôn thay đổi với tinh thần “dĩ bất biến - ứng vạn biến”.<br>- Áp dụng nhuần nhuyễn và có khả năng sáng tạo đối với các công cụ, kỹ thuật kiểm soát chất lượng phù hợp với từng loại hình tổ chức.<br>- Sử dụng có hiệu quả phương pháp phân biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin khoa học   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 4 | Tự luận                |

|     |                         |   |           |          |           |
|-----|-------------------------|---|-----------|----------|-----------|
|     |                         | <p>và tiên tiến.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai tốt phương pháp cải tiến HTQLCL theo thông lệ quốc tế.</li> </ul>  |           |          |           |
| 30. | Quản trị chiến lược     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết chung, chuyên ngành cơ bản về quản trị chiến lược hiện đang áp dụng trên thế giới và hướng đến năng lực học tập suốt đời.</li> <li>- Vận dụng tốt các hệ thống quản lý phù hợp với quản trị chiến lược từng loại hình tổ chức trong bối cảnh luôn thay đổi.</li> <li>- Áp dụng nhuần nhuyễn và có khả năng sáng tạo đối với các công cụ, kỹ thuật qua việc hoạch định, thực hiện và kiểm soát chiến lược phù hợp với từng loại hình tổ chức.</li> <li>- Sử dụng có hiệu quả phương pháp phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin khoa học và tiên tiến.</li> </ul>                     | 2 (1 + 1) | Học kỳ 4 | Tiểu luận |
| 31. | Quản trị marketing      | <p>Môn học được thiết kế với mục tiêu chỉ ra sinh viên các phương pháp trong quá trình xác định và đáp ứng nhu cầu và mong muốn của khách hàng mục tiêu. Những kiến thức về quản trị Marketing còn giúp sinh viên phân tích tình hình Marketing bên trong và bên ngoài doanh nghiệp bằng cách đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của doanh nghiệp và lập chiến lược Marketing, ứng dụng quản lý Marketing cho những lĩnh vực kinh doanh khác nhau.. Ngoài ra, trong suốt quá trình học, sinh viên có thể hình thành một số kỹ năng cá nhân: tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm; và nhận thức những giá trị cốt lõi và thái độ đúng đắn của một người làm marketing.</p> | 2 (2 + 0) | Học kỳ 5 | Tiểu luận |
| 32. | Quản trị nguồn nhân lực | <p>Quản trị nguồn nhân lực là chức năng quan trọng không thể thiếu trong bất kỳ tổ chức nào. Tất cả các nhà quản trị đều tham gia nhiều hay ít vào công tác quản trị nguồn nhân lực. Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản nhất về: vai trò, chức năng quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức; những ảnh hưởng, ràng buộc (môi trường) của pháp luật, công</p>   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 4 | Tiểu luận |

|     |                           |  |           |          |           |
|-----|---------------------------|--|-----------|----------|-----------|
|     |                           | <p>nghệ, môi trường cạnh tranh tới quản trị nguồn nhân lực; phân tích công việc và định mức lao động; lập kế hoạch nguồn nhân lực; xây dựng chính sách và tổ chức tuyển dụng; đào tạo &amp; phát triển nhân viên, đánh giá thành tích công tác của nhân viên; xây dựng chính sách và thực hành các hình thức trả lương bổng và đãi ngộ đối với lao động, xử lý các quan hệ lao động.</p>   |           |          |           |
| 33. | Quản trị thương hiệu      | <p>Môn học này giúp sinh viên nắm được những thuật ngữ chuyên môn, kiến thức cơ bản nhất về thương hiệu, những khía cạnh chủ yếu của tiến trình quản trị thương hiệu như: tạo dựng, duy trì, phát triển, bảo vệ và khai thác giá trị thương hiệu, hiểu biết một cách khái quát những công việc, nhiệm vụ, vai trò của nhà quản trị thương hiệu và môi trường làm việc trong lĩnh vực quản trị thương hiệu.</p>   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 4 | Tiểu luận |
| 34. | Thực tập 2                | <p>Học phần Thực tập 2 yêu cầu sinh viên thực tập tại doanh nghiệp trong thời gian 4 tuần để vận dụng kiến thức các môn học vào việc phân tích, nêu ra được một số vấn đề cần giải quyết trong thực tế và đề xuất biện pháp giải quyết các vấn đề đó. Sinh viên vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và xử lý các vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực ngành/ chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại đơn vị thực tập.</p>   | 5 (0+5)   | Học kỳ 6 | Báo cáo   |
| 35. | Đàm phán trong kinh doanh | <p>Môn Đàm phán trong kinh doanh là học phần về khả năng thương thuyết bằng tiếng Anh bao gồm các nội dung sau :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các dạng đàm phán, các khái niệm cơ bản cần ghi nhớ trong nghệ thuật đàm phán ;</li> <li>- Các bước chuẩn bị trước và trong khi tiến hành quá trình đàm phán ;</li> <li>- Các chiến thuật áp dụng và những sai lầm thường gặp trong quá trình đàm phán ;</li> <li>- Cách giành lợi thế trong đàm phán, rút kinh nghiệm và cải thiện khả năng đàm phán ;</li> </ul> | 2 (1 + 1) | Học kỳ 5 | Tiểu luận |

|     |  |   |           |          |           |
|-----|--|---|-----------|----------|-----------|
|     |  | - Những yếu tố tác động đến quá trình đàm phán  |           |          |           |
| 36. | Hành vi tổ chức                            | Hành vi tổ chức là môn học nghiên cứu một cách có hệ thống về các hành vi và thái độ của con người trong một tổ chức và sự tương tác giữa hành vi của con người với tổ chức nhằm đạt được mục tiêu của tổ chức.<br>Nội dung môn học được thiết kế bao gồm 9 chương nhằm trang bị kiến thức để giúp sinh viên có thể hiểu, giải thích, dự đoán được hành vi ứng xử cũng như có những biện pháp cải biến những hành vi không mong đợi ở 3 cấp độ (1) Cấp độ cá nhân, (2) Cấp độ nhóm và (3) Cấp độ tổ chức.   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 5 | Tiểu luận |
| 37. | Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp | - Khái niệm, các đặc tính và cá bộ phận cấu thành đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp<br>- Các cơ sở và biện pháp xây dựng đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp<br>- Nội dung quản lý thay đổi đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp<br>- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu bản chất và vai trò của đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp<br>- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện xây dựng nội dung đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp tại một công ty<br>- Có ý thức đúng đắn trong việc xây dựng đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp | 2 (1+1)   | Học kỳ 5 | Tiểu luận |
| 38. | Marketing quốc tế                          | Marketing quốc tế bao gồm phạm vi kiến thức cơ bản giúp doanh nghiệp có thể triển khai được các hoạt động kinh doanh và các hoạt động marketing hỗ trợ trong quá trình thâm nhập thị trường quốc tế. Môn học này là học phần quan trọng của chuyên ngành Kinh doanh quốc tế, nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức bổ sung và mở rộng kiến thức đã học ở môn học Marketing căn bản như: nghiên cứu, hoạch định marketing trong môi trường kinh doanh quốc tế và   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 5 | Tiểu luận |

|     |                             |   |           |          |           |
|-----|-----------------------------|---|-----------|----------|-----------|
|     |                             | triển khai hiệu quả phối thức marketing quốc tế mở rộng (7P), đặc biệt trong marketing dịch vụ hiện nay.  |           |          |           |
| 39. | Nghệ thuật lãnh đạo         | <p>- Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản có liên quan đến hoạt động lãnh đạo. Trên cơ sở đó đi vào phân tích : Bản chất của lãnh đạo, phẩm chất và kỹ năng của nhà lãnh đạo, việc sử dụng quyền lực của nhà lãnh đạo sao cho có hiệu quả nhất, sự phù hợp giữa phong cách của nhà lãnh đạo với từng hoàn cảnh cụ thể, phát huy năng lực tập thể, khảo sát, đánh giá hiệu quả lãnh đạo theo phương pháp khoa học, nhằm đánh giá năng lực lãnh đạo, phân biệt được mặt mạnh, yếu của người lãnh đạo và phân rõ trách nhiệm lãnh đạo...</p> <p>- Học phần này rất cần thiết đối với sinh viên khi tiếp cận thực tế trong quá trình ra quyết định.</p> | 2 (1 + 1) | Học kỳ 5 | Tiểu luận |
| 40. | Quản trị kinh doanh quốc tế | Học phần giúp sinh viên hiểu biết sâu sắc về những hoạt động chủ yếu của các tổ chức Đa quốc gia, và khía cạnh quốc tế trong tiến trình quản trị của các tổ chức này; nhấn mạnh sự khác biệt về những chức năng quản trị giữa công ty hoạt động kinh doanh quốc tế và công ty chỉ hoạt động trong môi trường nội địa. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu những chiến lược cạnh tranh trên thị trường toàn cầu và xâm nhập thị trường thế giới. Sinh viên sẽ được trang bị cơ sở lý luận và phương pháp để phát triển tư duy và thực hiện hoạt động kinh doanh quốc tế sau này.   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 5 | Tiểu luận |
| 41. | Quản trị rủi ro             | Học phần giới thiệu những vấn đề kiến thức về quản trị rủi ro tài chính trong hoạt động của các công ty và của các ngân hàng thương mại: nghiệp vụ quản lý rủi ro tín dụng, nghiệp vụ quản lý rủi ro lãi suất, nghiệp vụ quản lý rủi ro tỷ giá; giúp sinh viên biết cách phân tích và xác định nguồn gốc của các loại rủi ro, từ đó thực hiện các giải pháp nhằm quản trị rủi ro.   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 6 | Tự luận   |
| 42. | Quản trị bán hàng           | Nội dung của môn học nhằm cung cấp kiến thức cơ bản, tư duy trong việc thực hiện công việc quản trị bán hàng: giới thiệu về công việc bán hàng, gồm tổng quan về quản trị bán hàng, hoạch định bán hàng, tổ chức bán hàng, tuyển chọn và huấn luyện bán hàng, lãnh đạo và động viên lực lượng bán hàng và kiểm  | 3 (3 + 0) | Học kỳ 5 | Tiểu luận |

|     |                                |   |           |          |           |
|-----|--------------------------------|---|-----------|----------|-----------|
|     |                                | soát bán hàng, những kỹ năng cần thiết đối với Giám đốc bán hàng như lãnh đạo, phân tích, dự báo bán hàng, lập hạn ngạch, tổ chức đội ngũ bán hàng, quản lý và làm tăng năng suất của lực lượng bán hàng, quản trị đội ngũ bán hàng...  |           |          |           |
| 43. | Thực tập phần mềm mô phỏng ERP | Học phần Thực hành mô phỏng phần mềm ERP giới thiệu các được các kiến thức cơ bản về chức năng của phần mềm ERP, giúp sinh viên có kỹ năng phân tích được nguồn dữ liệu và quy trình nghiệp vụ của doanh nghiệp. Ngoài ra sinh viên sẽ được thực hành các kỹ năng quản lý danh mục tồn kho, quản lý danh mục nhà cung cấp, quản lý cung ứng mua hàng, quản lý kho hàng, quản lý danh mục khách hàng, quản lý phân phối & bán hàng, xây dựng định mức sản phẩm, lập kế hoạch sản xuất, quản lý phần xưởng, quản trị hệ thống   | 3 (0+3)   | Học kỳ 6 | Thực hành |
| 44. | Thương mại điện tử             | - Cung cấp kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, các quy trình kinh doanh, các cơ hội của thương mại điện tử, bản chất quốc tế của thương mại điện tử. Ngoài ra, cung cấp các kiến thức về cơ sở hạ tầng thương mại điện tử, bán hàng trên Internet, marketing trên web, chiến lược B2B, B2C..., các khái niệm về môi trường thương mại điện tử, luật pháp.<br>- Cung cấp kiến thức về công nghệ thương mại điện tử, an toàn thương mại điện tử, hệ thống thanh toán trong thương mại điện tử, các chiến lược phát triển website thương mại điện tử, quản lý thực hiện dự án thương mại điện tử. | 2 (1 + 1) | Học kỳ 6 | Tiểu luận |

|     |                |  |           |          |           |
|-----|----------------|--|-----------|----------|-----------|
| 45. | Khởi nghiệp    | <p>Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản hữu ích về khởi nghiệp, giúp sinh viên chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới cũng như biết cách tránh được các khó khăn không cần thiết trên con đường khởi nghiệp.</p> <p>Hình thành được sự sáng tạo và hoàn thiện kỹ năng nghiên cứu thị trường nhằm phát triển thành công kế hoạch kinh doanh. Bên cạnh đó sinh viên cũng biết cách kỹ năng xây dựng kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh.</p> <p>Nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp.</p> | 2 (1+1)   | Học kỳ 6 | Tiểu luận |
| 46. | Quản trị dự án | <p>Môn Quản trị dự án trang bị cho người học những kiến thức lý thuyết về dự án đầu tư, bao gồm: khái niệm đầu tư, ý nghĩa của dự án đầu tư, phân loại dự án đầu tư; quản trị dự án đầu tư, ý nghĩa của quản trị dự án đầu tư...</p> <p>Môn Quản trị dự án đi sâu vào các nội dung phân tích, quản trị điều hành dự án, bao gồm: Phân tích thị trường trong quản trị điều hành dự án; phân tích kỹ thuật dự án, lập kế hoạch tiến độ thi công dự án; vấn đề tổ chức, nhân sự của dự án; phân tích, tính toán các chỉ tiêu tài chính và phân tích vấn đề kinh tế - xã hội của dự án.</p>  | 2 (1 + 1) | Học kỳ 4 | Tự luận   |

|     |                              |  |           |          |           |
|-----|------------------------------|--|-----------|----------|-----------|
| 47. | Quản trị sản xuất            | Học phần quản trị sản xuất trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về công tác quản trị sản xuất và điều hành trong doanh nghiệp. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ trong lĩnh vực sản xuất cũng như các kiến thức và kỹ năng về dự báo nhu cầu sản xuất, hoạch định công suất nhà máy, định vị doanh nghiệp, bố trí mặt bằng, hoạch định tổng hợp, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, quản lý hàng tồn kho, điều độ sản xuất. Đây là môn học thuộc kiến thức ngành, giúp người học nắm vững lý thuyết và vận dụng được trong thực tiễn tại các doanh nghiệp sản xuất và cung cấp dịch vụ.  | 3 (2 + 1) | Học kỳ 4 | Tự luận   |
| 48. | Thực hành kỹ năng kinh doanh | Trình bày được các kiến thức cơ bản về chức năng của chuyên viên kinh doanh, kỹ năng bán hàng, viết email, viết CV<br><br>Giải quyết được các bài tập thực hành, bài tập tình huống trong lĩnh vực kinh doanh<br><br>Phân tích được các hiện tượng kinh tế cơ bản trong lĩnh vực quản trị kinh doanh   | 3 (0+3)   | Học kỳ 5 | Tiểu luận |
| 49. | Quản trị logistics           | Quản trị Logistics là môn học nghiên cứu các hoạt động tổ chức, xây dựng, và quản lý hệ thống chuỗi hoạt động cung ứng, hỗ trợ xuyên suốt từ khâu đầu vào đến đầu ra trong doanh nghiệp. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi hoạt động Logistics như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế hiện nay. Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản lý hoạt động Logistics để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. | 2 (1 + 1) | Học kỳ 6 | Tự luận   |
| 50. | Thực tập tốt nghiệp          | Môn học nhằm giúp sinh viên cần tìm hiểu các vấn đề sau:<br>- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, các nghiệp vụ kinh doanh   | 6 (0 + 6) | Học kỳ 6 | Báo cáo   |



|     |  |   |           |          |                  |
|-----|--|---|-----------|----------|------------------|
|     |  | <p>của doanh nghiệp.</p> <p>- Tìm hiểu phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các quy trình nghiệp vụ kinh doanh của các doanh nghiệp.</p>  |           |          |                  |
| 51. | Quan hệ công chúng                       | <p>Học phần đề cập đến những nội dung, quy trình và công cụ chính được sử dụng trong lĩnh vực PR trên nền tảng nghiên cứu, vận dụng và phát triển hệ thống cơ sở lý thuyết của tâm lý học, tâm lý xã hội học, nhân khẩu học, truyền thông, văn hóa và kinh tế học.</p> <p>Nội dung của môn học bao gồm: PR và vai trò của nó trong hoạt động của doanh nghiệp; những tiêu chuẩn và yêu cầu thiết yếu đối với người làm công tác PR; tiến trình hoạch định PR; quan hệ báo chí; lập kế hoạch tổ chức sự kiện &amp; tài trợ; quản lý khủng hoảng và PR nội bộ.</p>  | 2 (1 + 1) | Học kỳ 6 | Tiểu luận        |
| 52. | Digital marketing                        | <p>- Môn học Digital Marketing (Marketing Trực Tuyến) là môn học chuyên sâu của sinh viên chuyên ngành quản trị kinh doanh nói chung và chuyên ngành marketing nói riêng. Với sự bùng nổ của kỷ nguyên Internet và sự thay đổi về môi trường kinh doanh tại Việt Nam cũng như trên thế giới, yêu cầu về kiến thức và kỹ năng sử dụng các công cụ truyền thông trực tuyến đã và đang thực sự cấp thiết đối với nguồn nhân lực quản trị kinh doanh hiện tại.</p> <p>- Học phần Digital Marketing cung cấp kiến thức cơ bản về marketing trực tuyến, các mô hình kinh doanh, cách thức sử dụng các công cụ marketing trực tuyến như: website 2.0, các kênh quảng cáo trực tuyến, mạng xã hội Facebook, Blog 2.0, Email marketing, tối ưu công cụ tìm kiếm SEO, PR trực tuyến... cho sinh viên. Và sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên có thể dễ dàng lập kế hoạch marketing trực tuyến, thực thi kế hoạch và đánh giá và đo lường mức độ hiệu quả của kế hoạch.</p> | 2 (1 + 1) | Học kỳ 6 | Tiểu luận        |
| 53. | Khóa luận tốt nghiệp/ Báo cáo tốt nghiệp | <p>Sau khi kết thúc xong đợt thực tập tốt nghiệp tại các đơn vị thực tập như doanh nghiệp, ngân hàng... sinh viên đã hoàn chỉnh báo cáo thực tập 1. Và sau đó sinh</p>  | 5 (0 + 5) | Học kỳ 7 | Bảo vệ / báo cáo |

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  | <p>viên sẽ tiến hành làm Khóa luận tốt nghiệp nếu đạt đủ điều kiện yêu cầu của Khoa và của Trường. Học phần Khóa luận tốt nghiệp này sẽ giúp sinh viên có được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức về các vấn đề của tổ chức trong thực tiễn</li> <li>- Kinh nghiệm thu thập tài liệu</li> <li>- Kinh nghiệm trình bày một vấn đề nghiên cứu</li> <li>- Thuyết trình và hùng biện trước hội đồng khoa học</li> </ul> |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

### 1.2. Chương trình Quản trị kinh doanh, khóa học 2018-2022

| STT | Tên môn học                        | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------------|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1.  | Luật kinh tế                       | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực pháp luật kinh tế như: Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật Thương mại, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh và Luật Phá sản. Từ đó, sinh viên có những nhận thức chung về pháp luật điều chỉnh những hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường.   | 2 (2 + 0)  | Học kỳ 1             | Tự luận                        |
| 2.  | Kinh tế vi mô                      | Kinh tế vi mô bao gồm các kiến thức cơ bản nghiên cứu cách thức mà các hộ gia đình, các doanh nghiệp ra quyết định và tác động lẫn nhau trong một thị trường nào đó ở góc độ chi tiết, riêng lẻ. Nội dung môn học gồm các vấn đề lớn: Các vấn đề chung: Giới thiệu các khái niệm và 3 vấn đề cơ bản của kinh tế vi mô. Cung & cầu: giải thích các yếu tố xác định hàm số cung và hàm số cầu, các quy luật tác động đến cung và cầu. Lý thuyết người tiêu dùng: nghiên cứu hành vi người tiêu dùng và phương pháp lựa chọn tối ưu. Lý thuyết về sản xuất và chi phí: nghiên cứu hành vi nhà sản xuất, phương pháp lựa chọn tối ưu, đặc điểm và tính chất của các loại thị trường | 3 (3 + 0)  | Học kỳ 1             | Trắc nghiệm                    |
| 3.  | Nhập môn ngành quản trị Kinh doanh | Nhập ngành Quản trị kinh doanh là học phần khoa học về lĩnh vực Quản trị Kinh doanh. Trong học phần được tích lũy, tổng hợp và kế thừa các lý thuyết cơ bản về khoa học quản trị kinh doanh có xét đến điều kiện thực tiễn tại Việt Nam, cùng với các học phần khác, trang bị   | 3 (2 + 1)  | Học kỳ 1             | Tiểu luận                      |

|    |                              |   |           |          |           |
|----|------------------------------|---|-----------|----------|-----------|
|    |                              | cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong thực tiễn và lý luận nhằm giúp cho người học có thể theo học các học phần tiếp theo của ngành Quản trị Kinh doanh và vận dụng trong thực tiễn tác nghiệp sau khi tốt nghiệp  |           |          |           |
| 4. | Pháp luật đại cương          | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Để đạt được mục tiêu đó, nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn có những nội dung về pháp luật chuyên ngành bao gồm: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Lao động, Luật Hình sự và bổ sung 5 thêm một nội dung mới theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và đào tạo là Pháp luật về phòng, chống tham nhũng | 2 (2 + 0) | Học kỳ 1 | Tự luận   |
| 5. | Toán cao cấp C1              | Học phần giới thiệu về phép tuyến tính vi phân hàm một biến, hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm một biến và một số kiến thức cơ bản về phương trình vi phân. Bên cạnh đó, giới thiệu một số ứng dụng đạo hàm trong bài toán kinh tế và các ứng dụng của tích phân trong kinh tế.   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 1 | Tự luận   |
| 6. | Tư duy biện luận – sáng tạo  | Môn học củng cố cho sinh viên cách tư duy biện luận, cách học, nghiên cứu và ứng xử một cách hiệu quả và chuyên nghiệp nhằm đáp ứng các yêu cầu về phương pháp làm việc, học tập và nghiên cứu trong bậc đại học; giúp sinh viên có khả năng thích ứng với nhiều môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa. Giúp sinh viên vận dụng linh hoạt các tài liệu cũng như tự tìm tòi, bổ sung, cập nhật phù hợp với ngành của mình để thực hành, giải quyết bài tập tình huống ứng dụng   | 2 (2 + 0) | Học kỳ 1 | Tiểu luận |
| 7. | Nhập môn nghiên cứu khoa học | Trong học phần này, bạn sẽ học cách nhận thức về tư duy, vận dụng các công cụ tư duy vào thiết kế một ý tưởng nghiên cứu khoa học; cũng như biết cách xây dựng đề cương nghiên cứu.<br>Học phần này sẽ cung cấp cho bạn những công cụ của tư duy giúp bạn nhận biết được những ý tưởng sáng   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 1 | Tiểu luận |

|     |                                     |  |           |          |             |
|-----|-------------------------------------|--|-----------|----------|-------------|
|     |                                     | <p>tạo của bản thân, khả năng áp dụng vào thực tiễn, học tập và nghiên cứu khoa học.</p>   |           |          |             |
| 8.  | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | <p>Định hướng chung của môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản của lý thuyết xác suất và thống kê toán. Sinh viên hiểu được sự vận dụng quy luật xác suất để xây dựng các phương pháp ra quyết định trong điều kiện thông tin không đầy đủ trong thống kê. Các kiến thức xác suất thống kê học được phải có tính thực tiễn để người học có thể áp dụng vào thực tế của ngành học.</p>   | 3 (3 + 0) | Học kỳ 2 | Tự luận     |
| 9.  | Marketing căn bản                   | <p>Môn học được thiết kế với mục tiêu chỉ ra các hoạt động cơ bản trong quá trình xác định và đáp ứng nhu cầu và mong muốn của khách hàng mục tiêu. Những kiến thức cơ bản về Marketing còn giúp sinh viên lý giải được một số sự vật hiện tượng xảy ra trong đời sống hàng ngày. Ngoài ra, trong suốt quá trình học, sinh viên có thể hình thành một số kỹ năng cá nhân: tư duy phản biện (cấp độ cơ bản), kỹ năng làm việc nhóm; và nhận thức những giá trị cốt lõi và thái độ đúng đắn của một người làm marketing.</p> | 2 (1 + 1) | Học kỳ 2 | Trắc nghiệm |
| 10. | Nguyên lý thống kê kinh tế          | <p>Học phần Nguyên lý thống kê kinh tế nghiên cứu những cơ sở lý luận, phương pháp luận của thống kê học ; cung cấp hệ thống các khái niệm cơ bản trong thống kê, các phương pháp trình bày dữ liệu ; thống kê mô tả ; phân tích thống kê làm cơ sở cho dự báo các hiện tượng khoa học và logic. Học phần còn là nền tảng quan trọng cho các học phần có liên quan như Phương pháp định lượng, Kinh tế lượng,...cũng như trong công tác nghiên cứu khoa học</p>  | 3(3 + 0)  | Học kỳ 2 | Tự luận     |
| 11. | Thực tập 1                          | <p>Trong quá trình thực tập, sinh viên đến doanh nghiệp tìm hiểu các vấn đề sau:</p> <p>Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hệ thống quản trị của các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), các ngân hàng, quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm...</p>  | 3(0+3)    | Học kỳ 2 | Báo cáo     |

|     |  |  |           |          |             |
|-----|--|--|-----------|----------|-------------|
|     |  | Cần vận dụng kiến thức các môn đã học vào việc phân tích tổng quan, nêu ra được một số vấn đề về quản trị cần giải quyết tại đơn vị thực tập.  |           |          |             |
| 12. | Quản trị học                                     | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp). Qua học phần này người học sẽ nắm được lý thuyết chung về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp), bao gồm : khái niệm và sự cần thiết của quản trị, các chức năng cơ bản của quản trị, các kỹ năng yêu cầu đối với nhà quản trị, ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của doanh nghiệp, ra quyết định quản trị, lãnh đạo và động viên nhân viên. Ngoài ra học phần còn đề cập đến các tư tưởng quản trị và một số mô hình quản trị hiện đại.  | 3 (2 + 1) | Học kỳ 2 | Tiểu luận   |
| 13. | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin | Ngoài 1 chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương: Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin; phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; phần thứ ba có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng. | 5(5+0)    | Học kỳ 2 | Tự luận     |
| 14. | Tư tưởng Hồ Chí Minh                             | Ngoài chương mở đầu, nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.  | 2 (2 + 0) | Học kỳ 2 | Tự luận     |
| 15. | Kinh tế vĩ mô                                    | Kinh tế vĩ mô bao gồm các kiến thức cơ bản nghiên cứu cách thức tác động của các chính sách lên các chỉ tiêu kinh tế quốc gia. Nội dung môn học gồm các vấn đề lớn: Khái quát về kinh tế học vĩ mô: Giới thiệu các vấn đề của kinh tế vĩ mô và các công cụ điều tiết vĩ mô   | 3 (3 + 0) | Học kỳ 3 | Trắc nghiệm |

|     |                                |   |           |          |         |
|-----|--------------------------------|---|-----------|----------|---------|
|     |                                | <p>của chính phủ. Đo lường sản lượng quốc gia: Giới thiệu phương pháp xác định sản lượng quốc gia (GDP). Xác định sản lượng cân bằng trong nền kinh tế mở: Nghiên cứu phương pháp xác định sản lượng cân bằng và sự thay đổi của các thành phần trong tổng cầu tác động đến sản lượng quốc gia. Thị trường tiền tệ: Giới thiệu cung-cầu, sự cân bằng trên thị trường tiền tệ và tác động của lãi suất đến sản lượng quốc gia. Thị trường ngoại tệ và cán cân thanh toán: Giới thiệu thị trường ngoại tệ, cán cân thanh toán và tác động của TGHĐ đến sản lượng quốc gia. Mô hình IS – LM: Giới thiệu đường IS – LM và sự cân bằng trên thị trường hàng hóa và tiền tệ. Tổng cung – Tổng cầu: Giới thiệu tổng cung – tổng cầu và mô hình AS – AD. Phân tích chính sách kinh tế vĩ mô: Nghiên cứu tác động của các chính sách đến tổng cầu. Lạm phát – Thất nghiệp: Tác động của thất nghiệp và lạm phát – Các biện pháp hạn chế.</p> |           |          |         |
| 16. | Nguyên lý kế toán              | <p>Môn Nguyên lý kế toán nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kế toán – một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Sinh viên được trình bày về những lý thuyết căn bản, mục tiêu của kế toán, đối tượng của kế toán, nguyên tắc và các phương pháp kế toán được vận dụng cũng như các bước thực hành cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản,...) Sinh viên được thực hành về các bước cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản,...)</p>  | 3(2 + 1)  | Học kỳ 3 | Tự luận |
| 17. | Phân tích hoạt động kinh doanh | <p>Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh chuyển tải các kiến thức về Phân tích đánh giá các hoạt động SXKD của doanh nghiệp. Bao gồm các nội dung: Ý nghĩa, vai trò, chức năng và tầm quan trọng của phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp; Các phương pháp và kỹ thuật phân tích HĐKD; Ứng dụng các phương pháp phân tích vào phân tích cụ thể các</p>   | 3 (2 + 1) | Học kỳ 3 | Tự luận |

|     |                             |   |           |          |         |
|-----|-----------------------------|---|-----------|----------|---------|
|     |                             | mặt của hoạt động kinh doanh: Phân tích kết quả sản xuất về khối lượng và chất lượng sản phẩm, phân tích Chi phí và giá thành cùng các yếu tố ảnh hưởng đến chi phí và giá thành, phân tích doanh thu - lợi nhuận và các nhân tố ảnh hưởng đến doanh thu - lợi nhuận, và phân tích báo tài chính của doanh nghiệp.  |           |          |         |
| 18. | Quản trị tài chính          | Học phần này trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu cơ bản về tài chính doanh nghiệp: tổng quan về tài chính doanh nghiệp, phân tích các tỷ số tài chính của doanh nghiệp, quản lý các nguồn vốn của doanh nghiệp, quản lý đầu tư của doanh nghiệp, quản lý doanh lợi và rủi ro trong đầu tư của doanh nghiệp  | 2 (1 + 1) | Học kỳ 3 | Tự luận |
| 19. | Lý thuyết Tài chính tiền tệ | Học phần Tài chính tiền tệ là một học phần cơ sở ngành, nó cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Tài chính và tiền tệ Ngân hàng trong nền kinh tế thị trường. Bao gồm các nội dung như: Đại cương về tài chính, Chính sách tài chính quốc gia; Đại cương về Tiền tệ, Chính sách tiền tệ; Tín dụng; Lãi suất; Tài chính công; Vấn đề lạm phát và kiểm soát lạm phát; Hệ thống Ngân hàng trong nền kinh tế bao gồm Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia; Định chế tài chính phi ngân hàng; Tài chính quốc tế. Kiến thức Tài chính tiền tệ trở thành kiến thức cơ sở, nền tảng để người học tiếp cận các môn học chuyên ngành Tài chính ngân hàng. | 3 (3 + 0) | Học kỳ 3 | Tự luận |
| 20. | Tài chính doanh nghiệp      | Môn học cung cấp hệ thống kiến thức về vai trò của hệ thống tài chính trong nền kinh tế, những vấn đề chung về TCDN, các kênh huy động vốn khả thi cho doanh nghiệp, tính toán và đưa ra quyết định huy động vốn tối ưu cho doanh nghiệp, phân tích mức độ rủi ro và doanh lợi của các dự án đầu tư của doanh nghiệp, tính toán tính khả thi của các dự án đầu tư dài hạn dựa trên phân tích bảng dòng tiền và các chỉ số tài chính liên quan.  | 2 (1+1)   | Học kỳ 3 | Tự luận |

|     |                               |   |           |          |           |
|-----|-------------------------------|---|-----------|----------|-----------|
| 21. | Toán cao cấp C2               | Học phần giới thiệu về Vi tích phân hàm một biến, Vi phân hàm nhiều biến và một số kiến thức cơ bản về Phương trình vi phân   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 3 | Tự luận   |
| 22. | Hành vi khách hàng            | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hành vi khách hàng thông qua các lý thuyết về tâm lý học, tâm lý xã hội học, nhân khẩu học, truyền thông, văn hóa và kinh tế học. Qua môn học sinh viên sẽ thông hiểu về vai trò trung tâm của khách hàng trong công tác marketing và có thể vận dụng các mô hình tiếp thu từ môn học làm công cụ phân tích hành vi khách hàng trong điều kiện thực tế.<br>Chiến lược marketing sẽ được xem xét dưới góc độ xã hội rộng hơn và sẽ bao gồm những vấn đề đương đại như đạo đức kinh doanh, các quy định của Nhà nước, phong trào bảo vệ người tiêu dùng...<br>Nội dung cụ thể bao gồm các khái niệm hành vi khách hàng ứng dụng trong việc ra quyết định marketing, các mô hình hành vi tiêu dùng, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định mua hàng của khách hàng, và nghiên cứu hành vi khách hàng. | 2 (1 + 1) | Học kỳ 3 | Tiểu luận |
| 23. | Kinh tế lượng                 | Định hướng chung của môn học thiên về hướng ứng dụng, không đi sâu về hướng lý thuyết và chứng minh về mặt toán học. Môn học giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản của việc sử dụng kinh tế lượng trong nghiên cứu ra quyết định, phân tích kinh tế, phân tích chính sách. Phương pháp ước lượng bình phương nhỏ nhất (Ordinary Least Squares –OLS) sẽ được trình bày một cách chi tiết cũng như các vi phạm giả thuyết; cách phát hiện; hệ quả và khắc phục. Bên cạnh đó, các chủ đề về các dạng hàm toán học và biến giả ứng dụng trong kinh tế lượng cũng sẽ được giới thiệu trong học phần này.   | 2 (2 + 0) | Học kỳ 3 | Tự luận   |
| 24. | Đường lối cách mạng của ĐCSVN | Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Chính vì thế, học phần Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam mang nhiều giá trị lý luận, thực tiễn sâu sắc và là nền tảng quan trọng trong việc nghiên cứu  | 3 (3 + 0) | Học kỳ 3 | Tự luận   |



|     |   |  |           |          |           |
|-----|---|--|-----------|----------|-----------|
|     |   | <p>những vấn đề chuyên sâu của các ngành khoa học xã hội.</p> <p>Học phần này sẽ cung cấp những kiến thức về hệ thống những đường lối cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng niềm tin, có ý thức tán thành, ủng hộ chủ trương, đường lối chính sách của Đảng. Nội dung gồm 8 chủ đề: Chương 1: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Chương 2: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Chương 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Chương 4: Đường lối công nghiệp hoá; Chương 5: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Chương 6: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Chương 7: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; Chương 8: Đường lối đối ngoại.</p> |           |          |           |
| 25. | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế | <p>Môn học tập trung vào các phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và xã hội nhằm giúp học viên có khả năng thực hiện một nghiên cứu quan tâm trong tương lai dưới dạng độc lập cá nhân hay nhóm. Những nội dung được đề cập bao gồm xác định vấn đề, thiết kế nghiên cứu và thực hiện một nghiên cứu thực nghiệm (đánh giá những nghiên cứu trước, thu thập dữ liệu, sử dụng công cụ phân tích, viết và trình bày nghiên cứu...).</p>   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 3 | Tiểu luận |
| 26. | Thanh toán quốc tế                            | <p>Học phần Thanh Toán Quốc Tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vấn đề thanh toán quốc tế trong lĩnh vực ngoại thương. Giúp sinh viên nắm bắt và thao tác và nghiệp vụ liên quan đến giao dịch thanh toán quốc tế, bao gồm các nghiệp vụ giao dịch hối đoái, các phương thức thanh toán trong giao dịch thương mại quốc tế. Cách thức và phương pháp xử lý bộ chứng từ để đảm bảo an toàn cho các bên tham gia</p>   | 3 (2 + 1) | Học kỳ 3 | Tự luận   |
| 27. | Quản trị hành chính văn phòng                 | <p>Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị Hành chính văn phòng, bao gồm những yếu tố môi trường tổng quát nhất tác động đến văn phòng của doanh nghiệp, của tổ chức, và những chức năng cơ bản của quản trị</p>  | 2 (1+1)   | Học kỳ 3 | Tiểu luận |

|     |                        |   |           |          |                        |
|-----|------------------------|---|-----------|----------|------------------------|
|     |                        | Hành chánh văn phòng trong tổ chức, trong đơn vị kinh doanh, bao gồm: hoạch định, tổ chức, điều khiển lãnh đạo, và kiểm tra/ kiểm soát công việc văn phòng.   |           |          |                        |
| 28. | Nghiệp vụ ngoại thương | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về nghiệp vụ ngoại thương như:<br>- Những điều kiện thương mại quốc tế Incoterms.<br>- Nguyên tắc cơ bản và kỹ thuật về thương lượng trong hợp đồng ngoại thương.<br>- Soạn thảo hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu.<br>- Chứng từ xuất nhập khẩu. tổ chức thực hiện hợp đồng ngoại thương.  | 2 (1 + 1) | Học kỳ 4 | Trắc nghiệm và tự luận |
| 29. | Nghiên cứu thị trường  | Môn học được thiết kế với mục tiêu chỉ ra sinh viên hiểu được vai trò, lợi ích của nghiên cứu thị trường, mối quan hệ giữa nghiên cứu thị trường và xây dựng chiến lược kinh doanh nhằm xác định và đáp ứng nhu cầu và mong muốn của khách hàng mục tiêu. Những kiến thức về nghiên cứu thị trường còn giúp sinh viên nắm được các phương pháp nghiên cứu thị trường, biết cách thẩm định, đánh giá báo cáo kết quả, phân tích kết quả nghiên cứu thị trường, ứng dụng nghiên cứu thị trường cho những lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Ngoài ra, trong suốt quá trình học, sinh viên có thể hình thành một số kỹ năng cá nhân: tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm; và nhận thức những giá trị cốt lõi và thái độ đúng đắn của một người làm marketing | 2 (1 + 1) | Học kỳ 4 | Tiểu luận              |
| 30. | Quản trị chất lượng    | - Cung cấp cho học viên những kiến thức thuộc lý thuyết chung, chuyên ngành cơ bản về QTCL hiện đang áp dụng trên thế giới và hướng đến năng lực học tập suốt đời.<br>- Vận dụng tốt các hệ thống quản lý phù hợp với QTCL từng loại hình tổ chức trong bối cảnh luôn thay đổi với tinh thần “đĩ bất biến - ứng vạn biến”.<br>- Áp dụng nhuần nhuyễn và có khả năng sáng tạo đối với các công cụ, kỹ thuật kiểm soát chất lượng phù hợp với từng loại hình tổ chức.<br>- Sử dụng có hiệu quả phương pháp phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin khoa học   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 4 | Tự luận                |

|     |                         |   |           |          |           |
|-----|-------------------------|---|-----------|----------|-----------|
|     |                         | <p>và tiên tiến.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai tốt phương pháp cải tiến HTQLCL theo thông lệ quốc tế.</li> </ul>  |           |          |           |
| 31. | Quản trị chiến lược     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết chung, chuyên ngành cơ bản về quản trị chiến lược hiện đang áp dụng trên thế giới và hướng đến năng lực học tập suốt đời.</li> <li>- Vận dụng tốt các hệ thống quản lý phù hợp với quản trị chiến lược từng loại hình tổ chức trong bối cảnh luôn thay đổi.</li> <li>- Áp dụng nhuần nhuyễn và có khả năng sáng tạo đối với các công cụ, kỹ thuật qua việc hoạch định, thực hiện và kiểm soát chiến lược phù hợp với từng loại hình tổ chức.</li> <li>- Sử dụng có hiệu quả phương pháp phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin khoa học và tiên tiến.</li> </ul>                     | 2 (1 + 1) | Học kỳ 4 | Tiểu luận |
| 32. | Quản trị marketing      | <p>Môn học được thiết kế với mục tiêu chỉ ra sinh viên các phương pháp trong quá trình xác định và đáp ứng nhu cầu và mong muốn của khách hàng mục tiêu. Những kiến thức về quản trị Marketing còn giúp sinh viên phân tích tình hình Marketing bên trong và bên ngoài doanh nghiệp bằng cách đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của doanh nghiệp và lập chiến lược Marketing, ứng dụng quản lý Marketing cho những lĩnh vực kinh doanh khác nhau.. Ngoài ra, trong suốt quá trình học, sinh viên có thể hình thành một số kỹ năng cá nhân: tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm; và nhận thức những giá trị cốt lõi và thái độ đúng đắn của một người làm marketing.</p> | 2 (2 + 0) | Học kỳ 4 | Tiểu luận |
| 33. | Quản trị nguồn nhân lực | <p>Quản trị nguồn nhân lực là chức năng quan trọng không thể thiếu trong bất kỳ tổ chức nào. Tất cả các nhà quản trị đều tham gia nhiều hay ít vào công tác quản trị nguồn nhân lực. Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản nhất về: vai trò, chức năng quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức; những ảnh hưởng, ràng buộc (môi trường) của pháp luật, công</p>   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 4 | Tiểu luận |

|     |                           |  |           |          |           |
|-----|---------------------------|--|-----------|----------|-----------|
|     |                           | <p>nghệ, môi trường cạnh tranh tới quản trị nguồn nhân lực; phân tích công việc và định mức lao động; lập kế hoạch nguồn nhân lực; xây dựng chính sách và tổ chức tuyển dụng; đào tạo &amp; phát triển nhân viên, đánh giá thành tích công tác của nhân viên; xây dựng chính sách và thực hành các hình thức trả lương bổng và đãi ngộ đối với lao động, xử lý các quan hệ lao động.</p>   |           |          |           |
| 34. | Quản trị thương hiệu      | <p>Môn học này giúp sinh viên nắm được những thuật ngữ chuyên môn, kiến thức cơ bản nhất về thương hiệu, những khía cạnh chủ yếu của tiến trình quản trị thương hiệu như: tạo dựng, duy trì, phát triển, bảo vệ và khai thác giá trị thương hiệu, hiểu biết một cách khái quát những công việc, nhiệm vụ, vai trò của nhà quản trị thương hiệu và môi trường làm việc trong lĩnh vực quản trị thương hiệu.</p>   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 4 | Tiểu luận |
| 35. | Thực tập 2                | <p>Học phần Thực tập 2 yêu cầu sinh viên thực tập tại doanh nghiệp trong thời gian 4 tuần để vận dụng kiến thức các môn học vào việc phân tích, nêu ra được một số vấn đề cần giải quyết trong thực tế và đề xuất biện pháp giải quyết các vấn đề đó. Sinh viên vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và xử lý các vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực ngành/ chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại đơn vị thực tập.</p>   | 5 (0+5)   | Học kỳ 4 | Báo cáo   |
| 36. | Đàm phán trong kinh doanh | <p>Môn Đàm phán trong kinh doanh là học phần về khả năng thương thuyết bằng tiếng Anh bao gồm các nội dung sau :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các dạng đàm phán, các khái niệm cơ bản cần ghi nhớ trong nghệ thuật đàm phán ;</li> <li>- Các bước chuẩn bị trước và trong khi tiến hành quá trình đàm phán ;</li> <li>- Các chiến thuật áp dụng và những sai lầm thường gặp trong quá trình đàm phán ;</li> <li>- Cách giành lợi thế trong đàm phán, rút kinh nghiệm và cải thiện khả năng đàm phán ;</li> </ul> | 2 (1 + 1) | Học kỳ 5 | Tiểu luận |

|     |  |   |           |          |           |
|-----|--|---|-----------|----------|-----------|
|     |  | - Những yếu tố tác động đến quá trình đàm phán  |           |          |           |
| 37. | Hành vi tổ chức                            | Hành vi tổ chức là môn học nghiên cứu một cách có hệ thống về các hành vi và thái độ của con người trong một tổ chức và sự tương tác giữa hành vi của con người với tổ chức nhằm đạt được mục tiêu của tổ chức.<br>Nội dung môn học được thiết kế bao gồm 9 chương nhằm trang bị kiến thức để giúp sinh viên có thể hiểu, giải thích, dự đoán được hành vi ứng xử cũng như có những biện pháp cải biến những hành vi không mong đợi ở 3 cấp độ (1) Cấp độ cá nhân, (2) Cấp độ nhóm và (3) Cấp độ tổ chức.   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 5 | Tiểu luận |
| 38. | Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp | - Khái niệm, các đặc tính và cá bộ phận cấu thành đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp<br>- Các cơ sở và biện pháp xây dựng đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp<br>- Nội dung quản lý thay đổi đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp<br>- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu bản chất và vai trò của đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp<br>- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện xây dựng nội dung đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp tại một công ty<br>- Có ý thức đúng đắn trong việc xây dựng đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp | 2 (1+1)   | Học kỳ 5 | Tiểu luận |
| 39. | Marketing quốc tế                          | Marketing quốc tế bao gồm phạm vi kiến thức cơ bản giúp doanh nghiệp có thể triển khai được các hoạt động kinh doanh và các hoạt động marketing hỗ trợ trong quá trình thâm nhập thị trường quốc tế. Môn học này là học phần quan trọng của chuyên ngành Kinh doanh quốc tế, nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức bổ sung và mở rộng kiến thức đã học ở môn học Marketing căn bản như: nghiên cứu, hoạch định marketing trong môi trường kinh doanh quốc tế và   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 5 | Tiểu luận |

|     |                             |   |           |          |           |
|-----|-----------------------------|---|-----------|----------|-----------|
|     |                             | triển khai hiệu quả phối thức marketing quốc tế mở rộng (7P), đặc biệt trong marketing dịch vụ hiện nay.  |           |          |           |
| 40. | Nghệ thuật lãnh đạo         | <p>- Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản có liên quan đến hoạt động lãnh đạo. Trên cơ sở đó đi vào phân tích : Bản chất của lãnh đạo, phẩm chất và kỹ năng của nhà lãnh đạo, việc sử dụng quyền lực của nhà lãnh đạo sao cho có hiệu quả nhất, sự phù hợp giữa phong cách của nhà lãnh đạo với từng hoàn cảnh cụ thể, phát huy năng lực tập thể, khảo sát, đánh giá hiệu quả lãnh đạo theo phương pháp khoa học, nhằm đánh giá năng lực lãnh đạo, phân biệt được mặt mạnh, yếu của người lãnh đạo và phân rõ trách nhiệm lãnh đạo...</p> <p>- Học phần này rất cần thiết đối với sinh viên khi tiếp cận thực tế trong quá trình ra quyết định.</p> | 2 (1 + 1) | Học kỳ 5 | Tiểu luận |
| 41. | Quản trị kinh doanh quốc tế | Học phần giúp sinh viên hiểu biết sâu sắc về những hoạt động chủ yếu của các tổ chức Đa quốc gia, và khía cạnh quốc tế trong tiến trình quản trị của các tổ chức này; nhấn mạnh sự khác biệt về những chức năng quản trị giữa công ty hoạt động kinh doanh quốc tế và công ty chỉ hoạt động trong môi trường nội địa. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu những chiến lược cạnh tranh trên thị trường toàn cầu và xâm nhập thị trường thế giới. Sinh viên sẽ được trang bị cơ sở lý luận và phương pháp để phát triển tư duy và thực hiện hoạt động kinh doanh quốc tế sau này.   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 5 | Tiểu luận |
| 42. | Quản trị rủi ro             | Học phần giới thiệu những vấn đề kiến thức về quản trị rủi ro tài chính trong hoạt động của các công ty và của các ngân hàng thương mại: nghiệp vụ quản lý rủi ro tín dụng, nghiệp vụ quản lý rủi ro lãi suất, nghiệp vụ quản lý rủi ro tỷ giá; giúp sinh viên biết cách phân tích và xác định nguồn gốc của các loại rủi ro, từ đó thực hiện các giải pháp nhằm quản trị rủi ro.   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 5 | Tự luận   |
| 43. | Quản trị bán hàng           | Nội dung của môn học nhằm cung cấp kiến thức cơ bản, tư duy trong việc thực hiện công việc quản trị bán hàng: giới thiệu về công việc bán hàng, gồm tổng quan về quản trị bán hàng, hoạch định bán hàng, tổ chức bán hàng, tuyển chọn và huấn luyện bán hàng, lãnh đạo và động viên lực lượng bán hàng và kiểm  | 3 (3 + 0) | Học kỳ 5 | Tiểu luận |

|     |                                |   |           |          |           |
|-----|--------------------------------|---|-----------|----------|-----------|
|     |                                | soát bán hàng, những kỹ năng cần thiết đối với Giám đốc bán hàng như lãnh đạo, phân tích, dự báo bán hàng, lập hạn ngạch, tổ chức đội ngũ bán hàng, quản lý và làm tăng năng suất của lực lượng bán hàng, quản trị đội ngũ bán hàng...  |           |          |           |
| 44. | Thực tập phần mềm mô phỏng ERP | Học phần Thực hành mô phỏng phần mềm ERP giới thiệu các được các kiến thức cơ bản về chức năng của phần mềm ERP, giúp sinh viên có kỹ năng phân tích được nguồn dữ liệu và quy trình nghiệp vụ của doanh nghiệp. Ngoài ra sinh viên sẽ được thực hành các kỹ năng quản lý danh mục tồn kho, quản lý danh mục nhà cung cấp, quản lý cung ứng mua hàng, quản lý kho hàng, quản lý danh mục khách hàng, quản lý phân phối & bán hàng, xây dựng định mức sản phẩm, lập kế hoạch sản xuất, quản lý phần xưởng, quản trị hệ thống   | 3 (0+3)   | Học kỳ 5 | Thực hành |
| 45. | Thương mại điện tử             | - Cung cấp kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, các quy trình kinh doanh, các cơ hội của thương mại điện tử, bản chất quốc tế của thương mại điện tử. Ngoài ra, cung cấp các kiến thức về cơ sở hạ tầng thương mại điện tử, bán hàng trên Internet, marketing trên web, chiến lược B2B, B2C..., các khái niệm về môi trường thương mại điện tử, luật pháp.<br>- Cung cấp kiến thức về công nghệ thương mại điện tử, an toàn thương mại điện tử, hệ thống thanh toán trong thương mại điện tử, các chiến lược phát triển website thương mại điện tử, quản lý thực hiện dự án thương mại điện tử. | 2 (1 + 1) | Học kỳ 6 | Tiểu luận |
| 46. | Khởi nghiệp                    | Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản hữu ích về khởi nghiệp, giúp sinh viên chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới cũng như biết cách tránh được các khó khăn không cần thiết trên con đường khởi nghiệp.<br><br>Hình thành được sự sáng tạo và hoàn thiện kỹ năng nghiên cứu thị trường nhằm phát triển thành công kế hoạch kinh doanh. Bên cạnh đó sinh viên cũng biết  | 2 (1+1)   | Học kỳ 6 | Tiểu luận |

|     |                              |  |           |          |           |
|-----|------------------------------|--|-----------|----------|-----------|
|     |                              | <p>cách kỹ năng xây dựng kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh.</p> <p>Nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp.</p>  |           |          |           |
| 47. | Quản trị dự án               | <p>Môn Quản trị dự án trang bị cho người học những kiến thức lý thuyết về dự án đầu tư, bao gồm: khái niệm đầu tư, ý nghĩa của dự án đầu tư, phân loại dự án đầu tư; quản trị dự án đầu tư, ý nghĩa của quản trị dự án đầu tư...</p> <p>Môn Quản trị dự án đi sâu vào các nội dung phân tích, quản trị điều hành dự án, bao gồm: Phân tích thị trường trong quản trị điều hành dự án; phân tích kỹ thuật dự án, lập kế hoạch tiến độ thi công dự án; vấn đề tổ chức, nhân sự của dự án; phân tích, tính toán các chỉ tiêu tài chính và phân tích vấn đề kinh tế - xã hội của dự án.</p>                                      | 2 (1 + 1) | Học kỳ 6 | Tự luận   |
| 48. | Quản trị sản xuất            | <p>Học phần quản trị sản xuất trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về công tác quản trị sản xuất và điều hành trong doanh nghiệp. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ trong lĩnh vực sản xuất cũng như các kiến thức và kỹ năng về dự báo nhu cầu sản xuất, hoạch định công suất nhà máy, định vị doanh nghiệp, bố trí mặt bằng, hoạch định tổng hợp, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, quản lý hàng tồn kho, điều độ sản xuất. Đây là môn học thuộc kiến thức ngành, giúp người học nắm vững lý thuyết và vận dụng được trong thực tiễn tại các doanh nghiệp sản xuất và cung cấp dịch vụ.</p> | 3 (2 + 1) | Học kỳ 6 | Tự luận   |
| 49. | Thực hành kỹ năng kinh doanh | <p>Trình bày được các kiến thức cơ bản về chức năng của chuyên viên kinh doanh, kỹ năng bán hàng, viết email,</p>  | 3 (0+3)   | Học kỳ 6 | Tiểu luận |



|     |                                      |   |           |          |           |
|-----|--------------------------------------|---|-----------|----------|-----------|
|     |                                      | <p>viết CV</p> <p>Giải quyết được các bài tập thực hành, bài tập tình huống trong lĩnh vực kinh doanh</p> <p>Phân tích được các hiện tượng kinh tế cơ bản trong lĩnh vực quản trị kinh doanh</p>  |           |          |           |
| 50. | Quản trị logistics và chuỗi cung ứng | <p>Quản trị Logistics là môn học nghiên cứu các hoạt động tổ chức, xây dựng, và quản lý hệ thống chuỗi hoạt động cung ứng, hỗ trợ xuyên suốt từ khâu đầu vào đến đầu ra trong doanh nghiệp. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi hoạt động Logistics như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế hiện nay. Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản lý hoạt động Logistics để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu.</p> | 2 (1 + 1) | Học kỳ 6 | Tự luận   |
| 51. | Thực tập tốt nghiệp                  | <p>Môn học nhằm giúp sinh viên cần tìm hiểu các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, các nghiệp vụ kinh doanh của doanh nghiệp.</li> <li>- Tìm hiểu phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các quy trình nghiệp vụ kinh doanh của các doanh nghiệp.</li> </ul>  | 6 (0 + 6) | Học kỳ 6 | Báo cáo   |
| 52. | Quan hệ công chúng                   | <p>Học phần đề cập đến những nội dung, quy trình và công cụ chính được sử dụng trong lĩnh vực PR trên nền tảng nghiên cứu, vận dụng và phát triển hệ thống cơ sở lý thuyết của tâm lý học, tâm lý xã hội học, nhân khẩu học, truyền thông, văn hóa và kinh tế học.</p> <p>Nội dung của môn học bao gồm: PR và vai trò của nó trong hoạt động của doanh nghiệp; những tiêu chuẩn và yêu cầu thiết yếu đối với người làm công tác PR; tiến trình hoạch định PR; quan hệ báo chí; lập kế hoạch tổ chức sự kiện &amp; tài trợ; quản lý khủng hoảng</p>  | 2 (1 + 1) | Học kỳ 6 | Tiểu luận |

|     |  |   |           |          |                  |
|-----|--|---|-----------|----------|------------------|
|     |  | và PR nội bộ.   |           |          |                  |
| 53. | Digital marketing                        | <p>- Môn học Digital Marketing (Marketing Trực Tuyến) là môn học chuyên sâu của sinh viên chuyên ngành quản trị kinh doanh nói chung và chuyên ngành marketing nói riêng. Với sự bùng nổ của kỷ nguyên Internet và sự thay đổi về môi trường kinh doanh tại Việt Nam cũng như trên thế giới, yêu cầu về kiến thức và kỹ năng sử dụng các công cụ truyền thông trực tuyến đã và đang thực sự cấp thiết đối với nguồn nhân lực quản trị kinh doanh hiện tại.</p> <p>- Học phần Digital Marketing cung cấp kiến thức cơ bản về marketing trực tuyến, các mô hình kinh doanh, cách thức sử dụng các công cụ marketing trực tuyến như: website 2.0, các kênh quảng cáo trực tuyến, mạng xã hội Facebook, Blog 2.0, Email marketing, tối ưu công cụ tìm kiếm SEO, PR trực tuyến... cho sinh viên. Và sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên có thể dễ dàng lập kế hoạch marketing trực tuyến, thực thi kế hoạch và đánh giá và đo lường mức độ hiệu quả của kế hoạch.</p> | 2 (1 + 1) | Học kỳ 6 | Tiểu luận        |
| 54. | Khóa luận tốt nghiệp/ Báo cáo tốt nghiệp | <p>Sau khi kết thúc xong đợt thực tập tốt nghiệp tại các đơn vị thực tập như doanh nghiệp, ngân hàng... sinh viên đã hoàn chỉnh báo cáo thực tập 1. Và sau đó sinh viên sẽ tiến hành làm Khóa luận tốt nghiệp nếu đạt đủ điều kiện yêu cầu của Khoa và của Trường. Học phần Khóa luận tốt nghiệp này sẽ giúp sinh viên có được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức về các vấn đề của tổ chức trong thực tiễn</li> <li>- Kinh nghiệm thu thập tài liệu</li> <li>- Kinh nghiệm trình bày một vấn đề nghiên cứu</li> </ul>   | 5 (0 + 5) | Học kỳ 8 | Bảo vệ / báo cáo |

- Thuyết trình và hùng biện trước hội đồng khoa học

### 1.3. Chương trình Quản trị kinh doanh, khóa học 2019-2023

| STT | Tên môn học                        | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------------|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1.  | Luật kinh tế                       | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực pháp luật kinh tế như: Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật Thương mại, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh và Luật Phá sản. Từ đó, sinh viên có những nhận thức chung về pháp luật điều chỉnh những hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường.  | 2 (2 + 0)  | Học kỳ 1             | Tự luận                        |
| 2.  | Kinh tế vi mô                      | Kinh tế vi mô bao gồm các kiến thức cơ bản nghiên cứu cách thức mà các hộ gia đình, các doanh nghiệp ra quyết định và tác động lẫn nhau trong một thị trường nào đó ở giác độ chi tiết, riêng lẻ. Nội dung môn học gồm các vấn đề lớn: Các vấn đề chung: Giới thiệu các khái niệm và 3 vấn đề cơ bản của kinh tế vi mô. Cung & cầu: giải thích các yếu tố xác định hàm số cung và hàm số cầu, các quy luật tác động đến cung và cầu. Lý thuyết người tiêu dùng: nghiên cứu hành vi người tiêu dùng và phương pháp lựa chọn tối ưu. Lý thuyết về sản xuất và chi phí: nghiên cứu hành vi nhà sản xuất, phương pháp lựa chọn tối ưu, đặc điểm và tính chất của các loại thị trường | 3 (3 + 0)  | Học kỳ 1             | Trắc nghiệm                    |
| 3.  | Nhập môn ngành quản trị Kinh doanh | Nhập ngành Quản trị kinh doanh là học phần khoa học về lĩnh vực Quản trị Kinh doanh. Trong học phần được tích lũy, tổng hợp và kế thừa các lý thuyết cơ bản về khoa học quản trị kinh doanh có xét đến điều kiện thực tiễn tại Việt Nam, cùng với các học phần khác, trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong thực tiễn và lý luận nhằm giúp cho người học có thể theo học các học phần tiếp theo của ngành Quản trị Kinh doanh và  | 3 (2 + 1)  | Học kỳ 1             | Tiểu luận                      |

|    |  |  |           |          |           |
|----|--|--|-----------|----------|-----------|
|    |  | vận dụng trong thực tiếp tác nghiệp sau khi tốt nghiệp   |           |          |           |
| 4. | Pháp luật đại cương                      | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Để đạt được mục tiêu đó, nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn có những nội dung về pháp luật chuyên ngành bao gồm: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Lao động, Luật Hình sự và bổ sung 5thêm một nội dung mới theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và đào tạo là Pháp luật về phòng, chống tham nhũng | 2 (2 + 0) | Học kỳ 1 | Tự luận   |
| 5. | Toán cao cấp C1                          | Học phần giới thiệu về phép tuyến tính vi phân hàm một biến, hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm một biến và một số kiến thức cơ bản về phương trình vi phân. Bên cạnh đó, giới thiệu một số ứng dụng đạo hàm trong bài toán kinh tế và các ứng dụng của tích phân trong kinh tế.  | 2 (2 + 0) | Học kỳ 1 | Tự luận   |
| 6. | Tư duy biện luận – sáng tạo              | Môn học củng cố cho sinh viên cách tư duy biện luận, cách học, nghiên cứu và ứng xử một cách hiệu quả và chuyên nghiệp nhằm đáp ứng các yêu cầu về phương pháp làm việc, học tập và nghiên cứu trong bậc đại học; giúp sinh viên có khả năng thích ứng với nhiều môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa. Giúp sinh viên vận dụng linh hoạt các tài liệu cũng như tự tìm tòi, bổ sung, cập nhật phù hợp với ngành của mình để thực hành, giải quyết bài tập tình huống ứng dụng  | 2 (2 + 0) | Học kỳ 1 | Tiểu luận |
| 7. | Nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học | Trong học phần này, bạn sẽ học cách nhận thức về tư duy, vận dụng các công cụ tư duy vào thiết kế một ý tưởng nghiên cứu khoa học; cũng như biết cách xây dựng đề cương nghiên cứu.<br>Học phần này sẽ cung cấp cho bạn những công cụ của tư duy giúp bạn nhận biết được những ý tưởng   | 2 (2 + 0) | Học kỳ 2 | Tiểu luận |

|     |                                     |   |           |          |             |
|-----|-------------------------------------|---|-----------|----------|-------------|
|     |                                     | sáng tạo của bản thân, khả năng áp dụng vào thực tiễn, học tập và nghiên cứu khoa học.  |           |          |             |
| 8.  | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | Định hướng chung của môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản của lý thuyết xác suất và thống kê toán. Sinh viên hiểu được sự vận dụng quy luật xác suất để xây dựng các phương pháp ra quyết định trong điều kiện thông tin không đầy đủ trong thống kê. Các kiến thức xác suất thống kê học được phải có tính thực tiễn để người học có thể áp dụng vào thực tế của ngành học.   | 3 (3 + 0) | Học kỳ 2 | Tự luận     |
| 9.  | Marketing căn bản                   | Môn học được thiết kế với mục tiêu chỉ ra các hoạt động cơ bản trong quá trình xác định và đáp ứng nhu cầu và mong muốn của khách hàng mục tiêu. Những kiến thức cơ bản về Marketing còn giúp sinh viên lý giải được một số sự vật hiện tượng xảy ra trong đời sống hàng ngày. Ngoài ra, trong suốt quá trình học, sinh viên có thể hình thành một số kỹ năng cá nhân: tư duy phản biện (cấp độ cơ bản), kỹ năng làm việc nhóm; và nhận thức những giá trị cốt lõi và thái độ đúng đắn của một người làm marketing. | 2 (2 + 0) | Học kỳ 2 | Trắc nghiệm |
| 10. | Nguyên lý thống kê kinh tế          | Học phần Nguyên lý thống kê kinh tế nghiên cứu những cơ sở lý luận, phương pháp luận của thống kê học ; cung cấp hệ thống các khái niệm cơ bản trong thống kê, các phương pháp trình bày dữ liệu ; thống kê mô tả ; phân tích thống kê làm cơ sở cho dự báo các hiện tượng khoa học và logic. Học phần còn là nền tảng quan trọng cho các học phần có liên quan như Phương pháp định lượng, Kinh tế lượng,... cũng như trong công tác nghiên cứu khoa học   | 3(3 + 0)  | Học kỳ 2 | Tự luận     |
| 11. | Triết học Mác-Lê Nin                | Ngoài 1 chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương: Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin   | 3 (3+ 0)  | Học kỳ 2 | Tự luận     |

|     |                      |  |           |          |             |
|-----|----------------------|--|-----------|----------|-------------|
| 12. | Quản trị học         | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp). Qua học phần này người học sẽ nắm được lý thuyết chung về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp), bao gồm : khái niệm và sự cần thiết của quản trị, các chức năng cơ bản của quản trị, các kỹ năng yêu cầu đối với nhà quản trị, ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của doanh nghiệp, ra quyết định quản trị, lãnh đạo và động viên nhân viên. Ngoài ra học phần còn đề cập đến các tư tưởng quản trị và một số mô hình quản trị hiện đại.  | 3 (3 + 0) | Học kỳ 2 | Tiểu luận   |
| 13. | Toán cao cấp C2      | Học phần giới thiệu về Vi tích phân hàm một biến, Vi phân hàm nhiều biến và một số kiến thức cơ bản về Phương trình vi phân  | 2 (2 + 0) | Học kỳ 2 | Tự luận     |
| 14. | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Ngoài chương mở đầu, nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.  | 2 (2 + 0) | Học kỳ 2 | Tự luận     |
| 15. | Kinh tế vĩ mô        | Kinh tế vĩ mô bao gồm các kiến thức cơ bản nghiên cứu cách thức tác động của các chính sách lên các chỉ tiêu kinh tế quốc gia. Nội dung môn học gồm các vấn đề lớn: Khái quát về kinh tế học vĩ mô: Giới thiệu các vấn đề của kinh tế vĩ mô và các công cụ điều tiết vĩ mô của chính phủ. Đo lường sản lượng quốc gia: Giới thiệu phương pháp xác định sản lượng quốc gia (GDP). Xác định sản lượng cân bằng trong nền kinh tế mở: Nghiên cứu phương pháp xác định sản lượng cân bằng và sự thay đổi của các thành phần trong tổng cầu tác động đến sản lượng quốc gia. Thị trường tiền tệ: Giới thiệu cung-cầu, sự cân bằng trên thị trường tiền tệ và tác động của lãi suất đến sản lượng quốc gia. Thị trường ngoại tệ và cán cân thanh toán: Giới thiệu thị trường ngoại tệ, cán cân thanh toán và tác động của TGHD đến sản lượng quốc gia. Mô hình IS – LM: Giới thiệu đường | 3 (3 + 0) | Học kỳ 3 | Trắc nghiệm |

|     |                             |   |           |          |           |
|-----|-----------------------------|---|-----------|----------|-----------|
|     |                             | IS – LM và sự cân bằng trên thị trường hàng hóa và tiền tệ. Tổng cung – Tổng cầu: Giới thiệu tổng cung – tổng cầu và mô hình AS – AD. Phân tích chính sách kinh tế vĩ mô: Nghiên cứu tác động của các chính sách đến tổng cầu. Lạm phát – Thất nghiệp: Tác động của thất nghiệp và lạm phát – Các biện pháp hạn chế.  |           |          |           |
| 16. | Nguyên lý kế toán           | Môn Nguyên lý kế toán nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kế toán – một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Sinh viên được trình bày về những lý thuyết căn bản, mục tiêu của kế toán, đối tượng của kế toán, nguyên tắc và các phương pháp kế toán được vận dụng cũng như các bước thực hành cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản,...)        | 2 (2 + 0) | Học kỳ 3 | Tiểu luận |
| 17. | Thực hành nguyên lý kế toán | Sinh viên được thực hành về các bước cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản,...)  | 1(0+1)    | Học kỳ 3 | Thực hành |
| 18. | Quản trị tài chính          | Học phần này trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu cơ bản về tài chính doanh nghiệp: tổng quan về tài chính doanh nghiệp, phân tích các tỷ số tài chính của doanh nghiệp, quản lý các nguồn vốn của doanh nghiệp, quản lý đầu tư của doanh nghiệp, quản lý doanh lợi và rủi ro trong đầu tư của doanh nghiệp  | 2 (1 + 1) | Học kỳ 3 | Tự luận   |
| 19. | Tài chính tiền tệ           | Học phần Tài chính tiền tệ là một học phần cơ sở ngành, nó cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Tài chính và tiền tệ Ngân hàng trong nền kinh tế thị trường. Bao gồm các nội dung như: Đại cương về tài chính, Chính sách tài chính quốc gia; Đại cương về Tiền tệ, Chính sách tiền tệ; Tín dụng; Lãi suất; Tài chính công; Vấn đề lạm phát và kiểm soát lạm phát; Hệ thống Ngân hàng trong nền kinh tế bao gồm Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia; Định chế tài | 3 (3 + 0) | Học kỳ 3 | Tự luận   |

|     |                               |  |         |          |         |
|-----|-------------------------------|--|---------|----------|---------|
|     |                               | chính phi ngân hàng; Tài chính quốc tế. Kiến thức Tài chính tiền tệ trở thành kiến thức cơ sở, nền tảng để người học tiếp cận các môn học chuyên ngành Tài chính ngân hàng.  |         |          |         |
| 20. | Tài chính doanh nghiệp        | Môn học cung cấp hệ thống kiến thức về vai trò của hệ thống tài chính trong nền kinh tế, những vấn đề chung về TCDN, các kênh huy động vốn khả thi cho doanh nghiệp, tính toán và đưa ra quyết định huy động vốn tối ưu cho doanh nghiệp, phân tích mức độ rủi ro và doanh lợi của các dự án đầu tư của doanh nghiệp, tính toán tính khả thi của các dự án đầu tư dài hạn dựa trên phân tích bảng dòng tiền và các chỉ số tài chính liên quan. | 2 (1+1) | Học kỳ 3 | Tự luận |
| 21. | Thực tập doanh nghiệp 1       | Trong quá trình thực tập, sinh viên đến doanh nghiệp tìm hiểu các vấn đề sau:<br>Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hệ thống quản trị của các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), các ngân hàng, quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm...<br>Cần vận dụng kiến thức các môn đã học vào việc phân tích tổng quan, nêu ra được một số vấn đề về quản trị cần giải quyết tại đơn vị thực tập.                      | 2 (0+2) | Học kỳ 3 | Báo cáo |
| 22. | Kinh tế chính trị Mac – Lenin | trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa  | 2(2+0)  | Học kỳ 3 | Tự luận |
| 23. | Chủ nghĩa xã hội khoa học     | khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.   | 2(2+0)  | Học kỳ 3 | Tự luận |



|     |                    |   |           |          |           |
|-----|--------------------|---|-----------|----------|-----------|
| 24. | Lịch sử ĐCSVN      | <p>Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Chính vì thế, học phần Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam mang nhiều giá trị lý luận, thực tiễn sâu sắc và là nền tảng quan trọng trong việc nghiên cứu những vấn đề chuyên sâu của các ngành khoa học xã hội.</p> <p>Học phần này sẽ cung cấp những kiến thức về hệ thống những đường lối cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng niềm tin, có ý thức tán thành, ủng hộ chủ trương, đường lối chính sách của Đảng. Nội dung gồm 8 chủ đề: Chương 1: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Chương 2: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Chương 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Chương 4: Đường lối công nghiệp hoá; Chương 5: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Chương 6: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Chương 7: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; Chương 8: Đường lối đối ngoại.</p> | 2 (2 + 0) | Học kỳ 4 | Tự luận   |
| 25. | Hành vi khách hàng | <p>Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hành vi khách hàng thông qua các lý thuyết về tâm lý học, tâm lý xã hội học, nhân khẩu học, truyền thông, văn hóa và kinh tế học. Qua môn học sinh viên sẽ thông hiểu về vai trò trung tâm của khách hàng trong công tác marketing và có thể vận dụng các mô hình tiếp thu từ môn học làm công cụ phân tích hành vi khách hàng trong điều kiện thực tế. Chiến lược marketing sẽ được xem xét dưới góc độ xã hội rộng hơn và sẽ bao gồm những vấn đề đương đại như đạo đức kinh doanh, các quy định của Nhà nước, phong trào bảo vệ người tiêu dùng...</p> <p>Nội dung cụ thể bao gồm các khái niệm hành vi khách hàng ứng dụng trong việc ra quyết định marketing, các mô hình hành vi tiêu dùng, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định mua hàng của khách hàng, và nghiên cứu hành vi khách hàng.</p>   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 4 | Tiểu luận |

|     |   |   |           |          |                        |
|-----|---|---|-----------|----------|------------------------|
| 26. | Kinh tế lượng                                 | Định hướng chung của môn học thiên về hướng ứng dụng, không đi sâu về hướng lý thuyết và chứng minh về mặt toán học. Môn học giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản của việc sử dụng kinh tế lượng trong nghiên cứu ra quyết định, phân tích kinh tế, phân tích chính sách. Phương pháp ước lượng bình phương nhỏ nhất (Ordinary Least Squares –OLS) sẽ được trình bày một cách chi tiết cũng như các vi phạm giả thuyết; cách phát hiện; hệ quả và khắc phục. Bên cạnh đó, các chủ đề về các dạng hàm toán học và biến giả ứng dụng trong kinh tế lượng cũng sẽ được giới thiệu trong học phần này.   | 2 (2 + 0) | Học kỳ 4 | Tự luận                |
| 27. | Nghiệp vụ ngoại thương                        | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về nghiệp vụ ngoại thương như:<br>- Những điều kiện thương mại quốc tế Incoterms.<br>- Nguyên tắc cơ bản và kỹ thuật về thương lượng trong hợp đồng ngoại thương.<br>- Soạn thảo hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu.<br>- Chứng từ xuất nhập khẩu. tổ chức thực hiện hợp đồng ngoại thương.  | 2 (1 + 1) | Học kỳ 4 | Trắc nghiệm và tự luận |
| 28. | Phân tích hoạt động kinh doanh                | Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh chuyên tài các kiến thức về Phân tích đánh giá các hoạt động SXKD của doanh nghiệp. Bao gồm các nội dung: Ý nghĩa, vai trò, chức năng và tầm quan trọng của phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp; Các phương pháp và kỹ thuật phân tích HĐKD; Ứng dụng các phương pháp phân tích vào phân tích cụ thể các mặt của hoạt động kinh doanh: Phân tích kết quả sản xuất về khối lượng và chất lượng sản phẩm, phân tích Chi phí và giá thành cùng các yếu tố ảnh hưởng đến chi phí và giá thành, phân tích doanh thu - lợi nhuận và các nhân tố ảnh hưởng đến doanh thu - lợi nhuận, và phân tích báo tài chính của doanh nghiệp. | 3 (2 + 1) | Học kỳ 4 | Tự luận                |
| 29. | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế | Môn học tập trung vào các phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và xã hội nhằm giúp học viên có khả năng thực hiện một nghiên cứu quan tâm trong tương lai dưới dạng độc lập cá nhân hay nhóm. Những nội dung được đề cập bao gồm xác định vấn  | 2 (2 + 0) | Học kỳ 4 | Tiểu luận              |

|     |                               |   |           |          |           |
|-----|-------------------------------|---|-----------|----------|-----------|
|     |                               | đề, thiết kế nghiên cứu và thực hiện một nghiên cứu thực nghiệm (đánh giá những nghiên cứu trước, thu thập dữ liệu, sử dụng công cụ phân tích, viết và trình bày nghiên cứu...).  |           |          |           |
| 30. | Quản trị bán hàng             | Nội dung của môn học nhằm cung cấp kiến thức cơ bản, tư duy trong việc thực hiện công việc quản trị bán hàng: giới thiệu về công việc bán hàng, gồm tổng quan về quản trị bán hàng, hoạch định bán hàng, tổ chức bán hàng, tuyển chọn và huấn luyện bán hàng, lãnh đạo và động viên lực lượng bán hàng và kiểm soát bán hàng, những kỹ năng cần thiết đối với Giám đốc bán hàng như lãnh đạo, phân tích, dự báo bán hàng, lập hạn ngạch, tổ chức đội ngũ bán hàng, quản lý và làm tăng năng suất của lực lượng bán hàng, quản trị đội ngũ bán hàng... | 3 (3 + 0) | Học kỳ 4 | Tiểu luận |
| 31. | Thanh toán quốc tế            | Học phần Thanh Toán Quốc Tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vấn đề thanh toán quốc tế trong lĩnh vực ngoại thương. Giúp sinh viên nắm bắt và thao tác và nghiệp vụ liên quan đến giao dịch thanh toán quốc tế, bao gồm các nghiệp vụ giao dịch hối đoái, các phương thức thanh toán trong giao dịch thương mại quốc tế. Cách thức và phương pháp xử lý bộ chứng từ để đảm bảo an toàn cho các bên tham gia   | 3 (2 + 1) | Học kỳ 4 | Tự luận   |
| 32. | Quản trị hành chính văn phòng | Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị Hành chính văn phòng, bao gồm những yếu tố môi trường tổng quát nhất tác động đến văn phòng của doanh nghiệp, của tổ chức, và những chức năng cơ bản của quản trị Hành chính văn phòng trong tổ chức, trong đơn vị kinh doanh, bao gồm: hoạch định, tổ chức, điều khiển lãnh đạo, và kiểm tra/ kiểm soát công việc văn phòng.  | 2 (1+1)   | Học kỳ 4 | Tiểu luận |
| 33. | Đàm phán trong kinh doanh     | Môn Đàm phán trong kinh doanh là học phần về khả năng thương thuyết bằng tiếng Anh bao gồm các nội dung sau :<br>- Các dạng đàm phán, các khái niệm cơ bản cần ghi nhớ trong nghệ thuật đàm phán ;  | 2 (1 + 1) | Học kỳ 5 | Tiểu luận |

|     |                       |  |           |          |           |
|-----|-----------------------|--|-----------|----------|-----------|
|     |                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các bước chuẩn bị trước và trong khi tiến hành quá trình đàm phán ;</li> <li>- Các chiến thuật áp dụng và những sai lầm thường gặp trong quá trình đàm phán ;</li> <li>- Cách giành lợi thế trong đàm phán, rút kinh nghiệm và cải thiện khả năng đàm phán ;</li> <li>- Những yếu tố tác động đến quá trình đàm phán</li> </ul>   |           |          |           |
| 34. | Hành vi tổ chức       | <p>Hành vi tổ chức là môn học nghiên cứu một cách có hệ thống về các hành vi và thái độ của con người trong một tổ chức và sự tương tác giữa hành vi của con người với tổ chức nhằm đạt được mục tiêu của tổ chức.</p> <p>Nội dung môn học được thiết kế bao gồm 9 chương nhằm trang bị kiến thức để giúp sinh viên có thể hiểu, giải thích, dự đoán được hành vi ứng xử cũng như có những biện pháp cải biến những hành vi không mong đợi ở 3 cấp độ (1) Cấp độ cá nhân, (2) Cấp độ nhóm và (3) Cấp độ tổ chức.</p>   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 5 | Tiểu luận |
| 35. | Nghệ thuật lãnh đạo   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản có liên quan đến hoạt động lãnh đạo. Trên cơ sở đó đi vào phân tích : Bản chất của lãnh đạo, phẩm chất và kỹ năng của nhà lãnh đạo, việc sử dụng quyền lực của nhà lãnh đạo sao cho có hiệu quả nhất, sự phù hợp giữa phong cách của nhà lãnh đạo với từng hoàn cảnh cụ thể, phát huy năng lực tập thể, khảo sát, đánh giá hiệu quả lãnh đạo theo phương pháp khoa học, nhằm đánh giá năng lực lãnh đạo, phân biệt được mặt mạnh, yếu của người lãnh đạo và phân rõ trách nhiệm lãnh đạo...</li> <li>- Học phần này rất cần thiết đối với sinh viên khi tiếp cận thực tế trong quá trình ra quyết định.</li> </ul> | 2 (1 + 1) | Học kỳ 5 | Tiểu luận |
| 36. | Nghiên cứu thị trường | <p>Môn học được thiết kế với mục tiêu chỉ ra sinh viên hiểu được vai trò, lợi ích của nghiên cứu thị trường, mối quan hệ giữa nghiên cứu thị trường và xây dựng chiến lược kinh doanh nhằm xác định và đáp ứng nhu cầu và mong muốn của khách hàng mục tiêu. Những kiến thức về nghiên cứu thị trường còn giúp sinh viên nắm được các phương pháp nghiên cứu thị trường, biết cách thẩm định, đánh giá báo cáo kết</p>   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 5 | Tiểu luận |

|     |  |   |           |          |           |
|-----|--|---|-----------|----------|-----------|
|     |  | quả, phân tích kết quả nghiên cứu thị trường, ứng dụng nghiên cứu thị trường cho những lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Ngoài ra, trong suốt quá trình học, sinh viên có thể hình thành một số kỹ năng cá nhân: tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm; và nhận thức những giá trị cốt lõi và thái độ đúng đắn của một người làm marketing   |           |          |           |
| 37. | Quản trị sản xuất                          | Học phần quản trị sản xuất trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về công tác quản trị sản xuất và điều hành trong doanh nghiệp. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ trong lĩnh vực sản xuất cũng như các kiến thức và kỹ năng về dự báo nhu cầu sản xuất, hoạch định công suất nhà máy, định vị doanh nghiệp, bố trí mặt bằng, hoạch định tổng hợp, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, quản lý hàng tồn kho, điều độ sản xuất. Đây là môn học thuộc kiến thức ngành, giúp người học nắm vững lý thuyết và vận dụng được trong thực tiễn tại các doanh nghiệp sản xuất và cung cấp dịch vụ. | 3 (2 + 1) | Học kỳ 5 | Tự luận   |
| 38. | Thực hành kỹ năng kinh doanh               | Trình bày được các kiến thức cơ bản về chức năng của chuyên viên kinh doanh, kỹ năng bán hàng, viết email, viết CV<br><br>Giải quyết được các bài tập thực hành, bài tập tình huống trong lĩnh vực kinh doanh<br><br>Phân tích được các hiện tượng kinh tế cơ bản trong lĩnh vực quản trị kinh doanh  | 3 (0+3)   | Học kỳ 5 | Tiểu luận |
| 39. | Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh | - Khái niệm, các đặc tính và cá bộ phận cấu thành đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp<br>- Các cơ sở và biện pháp xây dựng đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp<br>- Nội dung quản lý thay đổi đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp<br>- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu bản chất và vai trò của đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp<br>- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để   | 2 (1+1)   | Học kỳ 5 | Tiểu luận |

|     |                         |  |           |          |           |
|-----|-------------------------|--|-----------|----------|-----------|
|     |                         | <p>thực hiện xây dựng nội dung đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp tại một công ty</p> <p>- Có ý thức đúng đắn trong việc xây dựng đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp</p>   |           |          |           |
| 40. | Thực tập doanh nghiệp 2 | <p>Học phần Thực tập 2 yêu cầu sinh viên thực tập tại doanh nghiệp trong thời gian 4 tuần để vận dụng kiến thức các môn học vào việc phân tích, nêu ra được một số vấn đề cần giải quyết trong thực tế và đề xuất biện pháp giải quyết các vấn đề đó. Sinh viên vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và xử lý các vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực ngành/ chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại đơn vị thực tập.</p>   | 3 (0+3)   | Học kỳ 5 | Báo cáo   |
| 41. | Quản trị chất lượng     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp cho học viên những kiến thức thuộc lý thuyết chung, chuyên ngành cơ bản về QTCL hiện đang áp dụng trên thế giới và hướng đến năng lực học tập suốt đời.</li> <li>- Vận dụng tốt các hệ thống quản lý phù hợp với QTCL từng loại hình tổ chức trong bối cảnh luôn thay đổi với tinh thần “dĩ bất biến - ứng vạn biến”.</li> <li>- Áp dụng nhuần nhuyễn và có khả năng sáng tạo đối với các công cụ, kỹ thuật kiểm soát chất lượng phù hợp với từng loại hình tổ chức.</li> <li>- Sử dụng có hiệu quả phương pháp phân biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin khoa học và tiên tiến.</li> <li>- Triển khai tốt phương pháp cải tiến HTQLCL theo thông lệ quốc tế.</li> </ul> | 2 (1 + 1) | Học kỳ 6 | Tự luận   |
| 42. | Quản trị chiến lược     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết chung, chuyên ngành cơ bản về quản trị chiến lược hiện đang áp dụng trên thế giới và hướng đến năng lực học tập suốt đời.</li> <li>- Vận dụng tốt các hệ thống quản lý phù hợp với quản trị chiến lược từng loại hình tổ chức trong bối</li> </ul>   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 6 | Tiểu luận |

|     |                             |  |           |          |           |
|-----|-----------------------------|--|-----------|----------|-----------|
|     |                             | <p>cảnh luôn thay đổi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp dụng nhuần nhuyễn và có khả năng sáng tạo đối với các công cụ, kỹ thuật qua việc hoạch định, thực hiện và kiểm soát chiến lược phù hợp với từng loại hình tổ chức.</li> <li>- Sử dụng có hiệu quả phương pháp phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin khoa học và tiên tiến.</li> </ul>   |           |          |           |
| 43. | Marketing quốc tế           | <p>Marketing quốc tế bao gồm phạm vi kiến thức cơ bản giúp doanh nghiệp có thể triển khai được các hoạt động kinh doanh và các hoạt động marketing hỗ trợ trong quá trình thâm nhập thị trường quốc tế. Môn học này là học phần quan trọng của chuyên ngành Kinh doanh quốc tế, nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức bổ sung và mở rộng kiến thức đã học ở môn học Marketing căn bản như: nghiên cứu, hoạch định marketing trong môi trường kinh doanh quốc tế và triển khai hiệu quả phối thức marketing quốc tế mở rộng (7P), đặc biệt trong marketing dịch vụ hiện nay.</p>      | 2 (1 + 1) | Học kỳ 6 | Tiểu luận |
| 44. | Quản trị kinh doanh quốc tế | <p>Học phần giúp sinh viên hiểu biết sâu sắc về những hoạt động chủ yếu của các tổ chức Đa quốc gia, và khía cạnh quốc tế trong tiến trình quản trị của các tổ chức này; nhấn mạnh sự khác biệt về những chức năng quản trị giữa công ty hoạt động kinh doanh quốc tế và công ty chỉ hoạt động trong môi trường nội địa. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu những chiến lược cạnh tranh trên thị trường toàn cầu và xâm nhập thị trường thế giới. Sinh viên sẽ được trang bị cơ sở lý luận và phương pháp để phát triển tư duy và thực hiện hoạt động kinh doanh quốc tế sau này.</p> | 2 (1 + 1) | Học kỳ 6 | Tiểu luận |
| 45. | Quản trị nguồn nhân lực     | <p>Quản trị nguồn nhân lực là chức năng quan trọng không thể thiếu trong bất kỳ tổ chức nào. Tất cả các nhà quản trị đều tham gia nhiều hay ít vào công tác quản trị nguồn nhân lực. Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản nhất về: vai trò, chức năng quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức; những ảnh hưởng, ràng buộc (môi trường) của pháp</p>   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 6 | Tiểu luận |

|     |                    |  |           |          |           |
|-----|--------------------|--|-----------|----------|-----------|
|     |                    | <p>luật, công nghệ, môi trường cạnh tranh tới quản trị nguồn nhân lực; phân tích công việc và định mức lao động; lập kế hoạch nguồn nhân lực; xây dựng chính sách và tổ chức tuyển dụng; đào tạo &amp; phát triển nhân viên, đánh giá thành tích công tác của nhân viên; xây dựng chính sách và thực hành các hình thức trả lương bổng và đãi ngộ đối với lao động, xử lý các quan hệ lao động.</p>  |           |          |           |
| 46. | Thương mại điện tử | <p>- Cung cấp kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, các quy trình kinh doanh, các cơ hội của thương mại điện tử, bản chất quốc tế của thương mại điện tử. Ngoài ra, cung cấp các kiến thức về cơ sở hạ tầng thương mại điện tử, bán hàng trên Internet, marketing trên web, chiến lược B2B, B2C..., các khái niệm về môi trường thương mại điện tử, luật pháp.</p> <p>- Cung cấp kiến thức về công nghệ thương mại điện tử, an toàn thương mại điện tử, hệ thống thanh toán trong thương mại điện tử, các chiến lược phát triển website thương mại điện tử, quản lý thực hiện dự án thương mại điện tử.</p> | 2 (1 + 1) | Học kỳ 6 | Tiểu luận |



|     |                                |  |           |          |           |
|-----|--------------------------------|--|-----------|----------|-----------|
| 47. | Khởi nghiệp                    | <p>Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản hữu ích về khởi nghiệp, giúp sinh viên chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới cũng như biết cách tránh được các khó khăn không cần thiết trên con đường khởi nghiệp.</p> <p>Hình thành được sự sáng tạo và hoàn thiện kỹ năng nghiên cứu thị trường nhằm phát triển thành công kế hoạch kinh doanh. Bên cạnh đó sinh viên cũng biết cách kỹ năng xây dựng kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh.</p> <p>Nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp.</p> | 2 (1+1)   | Học kỳ 6 | Tiểu luận |
| 48. | Thực tập phần mềm mô phỏng ERP | <p>Học phần Thực hành mô phỏng phần mềm ERP giới thiệu các được các kiến thức cơ bản về chức năng của phần mềm ERP, giúp sinh viên có kỹ năng phân tích được nguồn dữ liệu và quy trình nghiệp vụ của doanh nghiệp. Ngoài ra sinh viên sẽ được thực hành các kỹ năng quản lý danh mục tồn kho, quản lý danh mục nhà cung cấp, quản lý cung ứng mua hàng, quản lý kho hàng, quản lý danh mục khách hàng, quản lý phân phối &amp; bán hàng, xây dựng định mức sản phẩm, lập kế hoạch sản xuất, quản lý phần xưởng, quản trị hệ thống</p>   | 3 (0+3)   | Học kỳ 6 | Thực hành |
| 49. | Digital marketing              | <p>- Môn học Digital Marketing (Marketing Trực Tuyến) là môn học chuyên sâu của sinh viên chuyên ngành quản trị kinh doanh nói chung và chuyên ngành marketing nói</p>   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 7 | Tiểu luận |

|     |                    |   |           |          |           |
|-----|--------------------|---|-----------|----------|-----------|
|     |                    | <p>riêng. Với sự bùng nổ của kỷ nguyên Internet và sự thay đổi về môi trường kinh doanh tại Việt Nam cũng như trên thế giới, yêu cầu về kiến thức và kỹ năng sử dụng các công cụ truyền thông trực tuyến đã và đang thực sự cấp thiết đối với nguồn nhân lực quản trị kinh doanh hiện tại.</p> <p>- Học phần Digital Marketing cung cấp kiến thức cơ bản về marketing trực tuyến, các mô hình kinh doanh, cách thức sử dụng các công cụ marketing trực tuyến như: website 2.0, các kênh quảng cáo trực tuyến, mạng xã hội Facebook, Blog 2.0, Email marketing, tối ưu công cụ tìm kiếm SEO, PR trực tuyến... cho sinh viên. Và sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên có thể dễ dàng lập kế hoạch marketing trực tuyến, thực thi kế hoạch và đánh giá và đo lường mức độ hiệu quả của kế hoạch.</p> |           |          |           |
| 50. | Quan hệ công chúng | <p>Học phần đề cập đến những nội dung, quy trình và công cụ chính được sử dụng trong lĩnh vực PR trên nền tảng nghiên cứu, vận dụng và phát triển hệ thống cơ sở lý thuyết của tâm lý học, tâm lý xã hội học, nhân khẩu học, truyền thông, văn hóa và kinh tế học. Nội dung của môn học bao gồm: PR và vai trò của nó trong hoạt động của doanh nghiệp; những tiêu chuẩn và yêu cầu thiết yếu đối với người làm công tác PR; tiến trình hoạch định PR; quan hệ báo chí; lập kế hoạch tổ chức sự kiện &amp; tài trợ; quản lý khủng hoảng và PR nội bộ.</p>   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 7 | Tiểu luận |
| 51. | Quản trị dự án     | <p>Môn Quản trị dự án trang bị cho người học những kiến thức lý thuyết về dự án đầu tư, bao gồm: khái niệm đầu tư, ý nghĩa của dự án đầu tư, phân loại dự án đầu tư; quản trị dự án đầu tư, ý nghĩa của quản trị dự án đầu tư...</p> <p>Môn Quản trị dự án đi sâu vào các nội dung phân tích, quản trị điều hành dự án, bao gồm: Phân tích thị trường trong quản trị điều hành dự án; phân tích kỹ thuật dự án, lập kế hoạch tiến độ thi công dự án; vấn đề tổ chức, nhân sự của dự án; phân tích, tính toán các chỉ tiêu tài chính và phân tích vấn đề kinh tế</p>   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 7 | Tự luận   |

|     |                                      |  |           |          |           |
|-----|--------------------------------------|--|-----------|----------|-----------|
|     |                                      | - xã hội của dự án.  |           |          |           |
| 52. | Quản trị logistics và chuỗi cung ứng | Quản trị Logistics là môn học nghiên cứu các hoạt động tổ chức, xây dựng, và quản lý hệ thống chuỗi hoạt động cung ứng, hỗ trợ xuyên suốt từ khâu đầu vào đến đầu ra trong doanh nghiệp. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi hoạt động Logistics như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế hiện nay. Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản lý hoạt động Logistics để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu.                       | 2 (1 + 1) | Học kỳ 7 | Tự luận   |
| 53. | Quản trị marketing                   | Môn học được thiết kế với mục tiêu chỉ ra sinh viên các phương pháp trong quá trình xác định và đáp ứng nhu cầu và mong muốn của khách hàng mục tiêu. Những kiến thức về quản trị Marketing còn giúp sinh viên phân tích tình hình Marketing bên trong và bên ngoài doanh nghiệp bằng cách đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của doanh nghiệp và lập chiến lược Marketing, ứng dụng quản lý Marketing cho những lĩnh vực kinh doanh khác nhau.. Ngoài ra, trong suốt quá trình học, sinh viên có thể hình thành một số kỹ năng cá nhân: tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm; và nhận thức những giá trị cốt lõi và thái độ đúng đắn của một người làm marketing. | 2 (2 + 0) | Học kỳ 7 | Tiểu luận |
| 54. | Quản trị rủi ro                      | Học phần giới thiệu những vấn đề kiến thức về quản trị rủi ro tài chính trong hoạt động của các công ty và của các ngân hàng thương mại: nghiệp vụ quản lý rủi ro tín dụng, nghiệp vụ quản lý rủi ro lãi suất, nghiệp vụ quản lý rủi ro tỷ giá; giúp sinh viên biết cách phân tích và xác định nguồn gốc của các loại rủi ro, từ đó thực hiện các giải pháp nhằm quản trị rủi ro.  | 2 (1 + 1) | Học kỳ 7 | Tự luận   |

|     |                         |  |           |          |           |
|-----|-------------------------|--|-----------|----------|-----------|
| 55. | Quản trị thương hiệu    | Môn học này giúp sinh viên nắm được những thuật ngữ chuyên môn, kiến thức cơ bản nhất về thương hiệu, những khía cạnh chủ yếu của tiến trình quản trị thương hiệu như: tạo dựng, duy trì, phát triển, bảo vệ và khai thác giá trị thương hiệu, hiểu biết một cách khái quát những công việc, nhiệm vụ, vai trò của nhà quản trị thương hiệu và môi trường làm việc trong lĩnh vực quản trị thương hiệu.  | 2 (1 + 1) | Học kỳ 7 | Tiểu luận |
| 56. | Thực tập doanh nghiệp 3 | yêu cầu sinh viên thực tập tại doanh nghiệp, Sinh viên vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và xử lý các vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực ngành/ chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại đơn vị thực tập.  | 4(0+4)    | Học kỳ 7 | Báo cáo   |
| 57. | Thực tập tốt nghiệp     | Môn học nhằm giúp sinh viên cần tìm hiểu các vấn đề sau:<br>- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, các nghiệp vụ kinh doanh của doanh nghiệp.<br>- Tìm hiểu phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các quy trình nghiệp vụ kinh doanh của các doanh nghiệp.   | 5 (0 + 5) | Học kỳ 8 | Báo cáo   |
| 58. | Báo cáo tốt nghiệp      | Sau khi kết thúc xong đợt thực tập tốt nghiệp tại các đơn vị thực tập như doanh nghiệp, ngân hàng... sinh viên đã hoàn chỉnh báo cáo thực tập 1. Và sau đó sinh viên sẽ tiến hành làm Khóa luận tốt nghiệp nếu đạt đủ điều kiện yêu cầu của Khoa và của Trường. Học phần Khóa luận tốt nghiệp này sẽ giúp sinh viên có được:<br>- Kiến thức về các vấn đề của tổ chức trong thực tiễn<br>- Kinh nghiệm thu thập tài liệu<br>- Kinh nghiệm trình bày một vấn đề nghiên cứu<br>- Thuyết trình và hùng biện trước hội đồng khoa học | 5 (0 + 5) | Học kỳ 8 | Báo cáo   |

#### 1.4 Chương trình Quản trị kinh doanh, khóa học 2020-2024;

| STT | Tên môn học                        | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|------------------------------------|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Marketing căn bản                  | Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức khoa học trong marketing, gồm các vấn đề cụ thể: môi trường marketing, hành vi khách hàng, nghiên cứu marketing, phân khúc thị trường – lựa chọn thị trường mục tiêu – định vị thị trường, chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối, chiến lược xúc tiến. Vận dụng các kỹ năng như làm việc nhóm, làm việc độc lập, kỹ năng giao tiếp để giải quyết các tình huống marketing và kỹ năng đánh giá cơ hội kinh doanh trong hoạt động marketing.  | 3 (3+0)    | Học kì 1             | Tiểu Luận                      |
| 2   | Pháp luật                          | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật; các lĩnh vực pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; pháp luật quốc tế; đào tạo luật và nghề luật ở Việt Nam. Từ đó giúp người học nâng cao sự hiểu biết về vai trò và sự quan trọng của Nhà nước và pháp luật trong đời sống, có những quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước Việt Nam, có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật nhà nước, có ý thức đầy đủ về bổn phận và nghĩa vụ của một công dân đối với quốc gia, biết áp dụng pháp luật trong cuộc sống làm việc của mình, nhất là đối với người học trong các ngành học thuộc khoa học xã hội, vừa cần những lý luận cơ bản về pháp luật, vừa cần những kiến thức pháp luật chuyên ngành. | 2 (2+0)    | Học kì 1             | Tự Luận                        |
| 3   | Toán cao cấp C1                    | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của giải tích hàm số (phép tính vi phân hàm một biến, phép tính vi phân của hàm số nhiều biến, phép tính tích phân của hàm số một biến và một số kiến thức cơ bản về phương trình vi phân). Cung cấp một số ứng dụng của đạo hàm và tích phân trong kinh tế, là cơ sở để sinh viên học tập và nghiên cứu các môn khác.   | 2 (2+0)    | Học kì 1             | Tự Luận                        |
| 4   | Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh | Môn học cung cấp kiến thức tổng quát về ngành Quản trị kinh doanh, Trên cơ sở đó, người học có thể nhận thức về ngành mình sẽ theo học mà người học chuẩn bị đón nhận Trong suốt quá trình học, sinh viên có thể hình thành một số kỹ năng cá nhân: tư duy phản biện, kỹ năng làm việc   | 2 (2+0)    | Học kì 1             | Tiểu Luận                      |

|   |  |  |         |          |             |
|---|--|--|---------|----------|-------------|
|   |  | <p>nhóm; và nhận thức những giá trị cốt lõi và thái độ đúng đắn của một người làm marketing.</p> <p>Thông qua làm việc nhóm, sinh viên sẽ nâng cao kỹ năng làm việc nhóm (thảo luận, tranh luận, thống nhất vấn đề/ quan điểm) cũng như kỹ năng viết, kỹ năng nói và thuyết trình của sinh viên sẽ được nâng lên.</p>  |         |          |             |
| 5 | Thực hành Nhập môn Quản trị kinh doanh | <p>Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng tổng quát về ngành Quản trị kinh doanh,. Trên cơ sở đó, người học có thể nhận thức về ngành mình sẽ theo học mà người học chuẩn bị đón nhận Trong suốt quá trình học, sinh viên có thể hình thành một số kỹ năng cá nhân: tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm; và nhận thức những giá trị cốt lõi và thái độ đúng đắn của một người làm quản trị</p> <p>Thông qua làm việc nhóm, sinh viên sẽ nâng cao kỹ năng làm việc nhóm (thảo luận, tranh luận, thống nhất vấn đề/ quan điểm) cũng như kỹ năng viết, kỹ năng nói và thuyết trình của sinh viên sẽ được nâng lên.</p> | 1 (0+1) | Học kì 1 | Tiểu Luận   |
| 6 | Phương pháp nghiên cứu khoa học        | <p>Môn học tập trung vào các phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và xã hội nhằm giúp học viên có khả năng thực hiện một nghiên cứu quan tâm trong tương lai dưới dạng độc lập cá nhân hay nhóm. Những nội dung được đề cập bao gồm xác định vấn đề, thiết kế nghiên cứu và thực hiện một nghiên cứu thực nghiệm (đánh giá những nghiên cứu trước, thu thập dữ liệu, sử dụng công cụ phân tích, viết và trình bày nghiên cứu...).</p>   | 3 (3+0) | Học kì 2 | Tiểu luận   |
| 7 | Giáo dục thể chất                      | <p>Học phần trang bị cho người học hệ thống lý thuyết về thể dục thể thao và các nguyên lý các kỹ thuật, chiến thuật thi đấu; phương pháp phát triển các tố chất thể lực chung và chuyên môn; hiểu một số điều luật và phương pháp trọng tài các phân môn trong thể thao.</p>  | 2 (2+0) | Học kì 2 |             |
| 8 | Kinh tế vi mô                          | <p>Môn học nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức chung về kinh tế học: khái niệm kinh tế học, 3 vấn đề cơ bản của kinh tế học, các lý thuyết kinh tế vi mô về: cung – cầu, lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng, lý thuyết về sản xuất và chi phí, các loại thị trường: thị trường cạnh tranh hoàn toàn, thị trường độc quyền hoàn toàn, thị trường cạnh tranh không hoàn toàn, thị trường các yếu tố sản xuất và rèn luyện cho SV các làm việc cá nhân, làm việc nhóm, thuyết trình, đặt câu hỏi, áp</p>  | 2 (2+0) | Học kì 2 | Trắc nghiệm |

|    |                             |  |         |             |         |
|----|-----------------------------|--|---------|-------------|---------|
|    |                             | dụng lý thuyết đã học vào đánh giá các vấn đề kinh tế trong thực tiễn. Sinh viên vận dụng được các lý thuyết vào trong đánh giá các tình huống kinh tế trong thực tiễn.  |         |             |         |
| 9  | Luật kinh tế                | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực pháp luật kinh tế như: Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật Thương mại, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh và Luật Phá sản. Từ đó, sinh viên có những nhận thức chung về pháp luật điều chỉnh những hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường.  | 2 (2+0) | Học kì<br>2 | Tự luận |
| 10 | Nguyên lý thống kê kinh tế  | Môn học giúp sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về thống kê như một số khái niệm về thống kê và các khái niệm thường dùng trong thống kê, các giai đoạn chính của quá trình nghiên cứu thống kê, các phương pháp phân tích thống kê thường dùng. Bên cạnh đó, trong quá trình học, sinh viên sẽ hiểu, biết và vận dụng các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin, các bước tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin bằng việc sử dụng phương pháp phân tích thống kê khác nhau như: thống kê mô tả, phân tích sự biến động của hiện tượng (Phương pháp phân tích dãy số thời gian, phân tích chỉ số,...). Từ đó đọc, hiểu và tính toán được các chỉ tiêu kinh tế để nhận thức được chính xác hiện tượng kinh tế xã hội từ đó đưa ra những quyết định phù hợp và chính xác trong quản lý. | 2 (0+2) | Học kì<br>2 | Tự luận |
| 11 | Toán cao cấp C2             | Học phần này trang bị cho người học các kiến thức Toán cơ bản về: ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ và chéo hóa ma trận. Đồng thời ứng dụng các kiến thức đó vào giải quyết các bài toán kinh tế.<br>Rèn luyện cho người học các kỹ năng như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề, tư duy phân tích và tư duy phản biện.  | 2 (2+0) | Học kì<br>2 | Tự luận |
| 12 | Giáo dục quốc phòng an ninh | - <i>Về kiến thức:</i> Sinh viên giải thích được nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh; tự hào truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc; phân biệt được lực lượng vũ trang nhân dân; vận dụng nghệ thuật quân sự Việt Nam trong tình hình mới; sẵn sàng tham gia, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân.<br><br>- <i>Về kỹ năng:</i> Sinh viên có kỹ năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, phân biệt, vận dụng sáng tạo công tác Quốc phòng và An ninh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.<br><br>- <i>Về thái độ:</i> Là công dân yêu nước, tự hào dân tộc, học tập tốt góp   | 5 (5+0) | Học kì<br>3 |         |

|    |                                       |   |         |          |           |
|----|---------------------------------------|---|---------|----------|-----------|
|    |                                       | phân phát triển kinh tế và sẵn sàng tham gia nhập ngũ nếu được động viên, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; có trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.   |         |          |           |
| 13 | Thực hành Giáo dục quốc phòng an ninh | Nội dung học phần được cấu trúc thành 7 phần gồm: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học, quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ vững chắc tổ quốc VN XHCN; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Xây dựng lực lượng Vũ trang nhân dân Việt Nam; Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại; Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam. | 3 (0+3) | Học kì 3 |           |
| 14 | Thực tập doanh nghiệp 1               | Học phần tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp cận môi trường làm việc thực tế. Sinh viên có cơ hội quan sát quy trình làm việc và hiểu được những yêu cầu của nghề nghiệp. Thông qua học phần kiến tập, sinh viên nắm vững hơn kiến thức, hiểu rõ và biết cách áp dụng kiến thức trong thực tế.  | 3 (0+3) | Học kì 3 | Báo cáo   |
| 15 | Nguyên lý kế toán                     | Môn Nguyên lý kế toán nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kế toán – một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Sinh viên được trình bày về những lý thuyết căn bản, mục tiêu của kế toán, đối tượng của kế toán, nguyên tắc và các phương pháp kế toán được vận dụng cũng như các bước thực hành cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản,...)  | 2 (2+0) | Học kì 3 | Tiểu luận |
| 16 | Thực hành nguyên lý kế toán           | Sinh viên được thực hành về các bước cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản,...)  | 1 (0+1) | Học kì 3 | Tự luận   |
| 17 | Tư duy biện luận ứng dụng             | Giúp sinh viên thấy rõ lợi ích của việc học tập và rèn luyện kỹ năng tư duy biện luận, từ việc thay đổi cách suy nghĩ theo thói quen truyền thống để tiếp nhận cái mới trong tư duy, kích thích tính sáng tạo đến việc xây dựng ý thức nhìn nhận,...<br>Trang bị cho sinh viên các kiến thức: quan sát, phát hiện các   | 2 (2+0) | Học kì 4 | Tự luận   |



|    |   |  |         |          |             |
|----|---|--|---------|----------|-------------|
|    |   | <p>nguyên tắc, nguyên lý, quy luật trong việc giải quyết vấn đề, hiểu và vận dụng những tri thức tích lũy được trong những tình huống cụ thể,...;</p> <p>Bước đầu hình thành tư duy phản biện trong sinh viên ở các cấp độ khác nhau: thúc đẩy sinh viên suy nghĩ theo hướng phản biện, tranh luận, xây dựng giả thuyết nghiên cứu,...</p>   |         |          |             |
| 18 | Kinh tế vĩ mô                                 | <p>Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quát về Kinh tế học vĩ mô và các nguyên lý cơ bản về cách thức hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Học phần trình bày cách tính các chỉ tiêu kinh tế - thước đo thành tựu của 1 nền kinh tế - như chỉ tiêu tổng sản lượng quốc gia, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ lạm phát..., cách xác định sản lượng cân bằng dựa vào mối quan hệ tổng cung - tổng cầu, các vấn đề kinh tế vĩ mô của 1 nền kinh tế mở và đặc biệt nhấn mạnh vai trò của Chính phủ trong việc điều hành nền kinh tế thông qua các chính sách kinh tế như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế cụ thể trong từng thời kì. Song song đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như: kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và các kỹ năng mềm như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.</p> | 2 (2+0) | Học kì 4 | Trắc nghiệm |
| 19 | Quản trị học                                  | <p>Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị, bao gồm những yếu tố môi trường tổng quát nhất tác động đến doanh nghiệp, tổ chức, và những chức năng cơ bản của quản trị trong tổ chức kinh doanh, bao gồm: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, và kiểm tra.</p>  | 2 (2+0) | Học kì 4 | Tiểu luận   |
| 20 | Tài chính tiền tệ                             | <p>Học phần Tài chính tiền tệ là một học phần cơ sở ngành, nó cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Tài chính và tiền tệ Ngân hàng trong nền kinh tế thị trường. Bao gồm các nội dung như: Đại cương về tài chính, Chính sách tài chính quốc gia; Đại cương về Tiền tệ, Chính sách tiền tệ; Tín dụng; Lãi suất; Tài chính công; Vấn đề lạm phát và kiểm soát lạm phát; Hệ thống Ngân hàng trong nền kinh tế bao gồm Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia; Định chế tài chính phi ngân hàng; Tài chính quốc tế. Kiến thức Tài chính tiền tệ trở thành kiến thức cơ sở, nền tảng để người học tiếp cận các môn học chuyên ngành Tài chính ngân hàng.</p>   | 2 (2+0) | Học kì 4 | Trắc nghiệm |
| 21 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế | <p>Môn học tập trung vào các phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và xã hội nhằm giúp học viên có khả năng thực hiện một nghiên cứu quan tâm trong tương lai dưới dạng độc lập cá nhân hay nhóm. Những nội dung được đề cập bao gồm xác định vấn đề, thiết kế nghiên cứu và thực hiện một nghiên cứu thực nghiệm (đánh giá những nghiên cứu trước, thu thập dữ liệu, sử dụng công cụ phân tích, viết và trình bày</p>   | 2 (0+2) | Học kì 4 | Tiểu luận   |

|    |   |   |         |          |             |
|----|---|---|---------|----------|-------------|
|    |   | ngiên cứu...).  |         |          |             |
| 22 | Hành vi khách hàng trong Quản trị kinh doanh      | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hành vi khách hàng thông qua các lý thuyết về tâm lý học, tâm lý xã hội học, nhân khẩu học, truyền thông, văn hóa và kinh tế học. Qua môn học sinh viên sẽ thông hiểu về vai trò trung tâm của khách hàng trong công tác marketing và có thể vận dụng các mô hình tiếp thu từ môn học làm công cụ phân tích hành vi khách hàng trong điều kiện thực tế.  | 2 (0+2) | Học kì 4 | Tiểu luận   |
| 23 | Triết học Mác - Lênin                             | Ngoài 1 chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương: Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin   | 3 (3+0) | Học kì 5 | Trắc nghiệm |
| 24 | Thực hành Giáo dục thể chất                       | - <i>Về kiến thức</i> : Sinh viên thực hiện được động tác của môn thể thao được học. Áp dụng đúng luật thi đấu. Giải thích được tác dụng của việc tập luyện thể dục thể thao. Phát triển các tố chất vận động.<br>- <i>Về kỹ năng</i> : Lập lại đúng động tác, tiến dần đến việc hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động. Có thể tham gia biểu diễn hoặc thi đấu môn thể thao đã học.<br>- <i>Về thái độ</i> : Hình thành thói quen tập luyện thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực và tâm vóc. Có thái độ tích cực, lạc quan, sống lành mạnh. | 3 (0+3) | Học kì 5 |             |
| 25 | Phân tích hoạt động kinh doanh trong Doanh nghiệp | Phân tích và đánh giá sự phát triển các thông tin tài chính, sử dụng dữ liệu và tư duy để giải thích những sự kiện kinh tế và tài chính xảy ra trong thực tiễn, cách thức sử dụng các công cụ và nguyên lý để tiên liệu những sự kiện kinh tế và tài chính trong tương lai, thông qua áp dụng các kỹ thuật phân tích để tiên liệu tác động của những thay đổi trong nền kinh tế và hệ thống tài chính.  | 2(0+2)  | Học kì 5 | Trắc nghiệm |
| 26 | Quản trị bán hàng                                 | Nội dung của môn học nhằm cung cấp kiến thức cơ bản, tư duy trong việc thực hiện công việc quản trị bán hàng: giới thiệu về công việc bán hàng, gồm tổng quan về quản trị bán hàng, hoạch định bán hàng, tổ chức bán hàng, tuyển chọn và huấn luyện bán hàng, lãnh đạo và động  | 2 (2+0) | Học kì 5 | Tiểu luận   |

|    |                                     |   |         |          |             |
|----|-------------------------------------|---|---------|----------|-------------|
|    |                                     | viên lực lượng bán hàng và kiểm soát bán hàng, những kỹ năng cần thiết đối với Giám đốc bán hàng như lãnh đạo, phân tích, dự báo bán hàng, lập hạn ngạch, tổ chức đội ngũ bán hàng, quản lý và làm tăng năng suất của lực lượng bán hàng, quản trị đội ngũ bán hàng...  |         |          |             |
| 27 | Quản trị hành chính văn phòng (0+2) | Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị Hành chính văn phòng, bao gồm những yếu tố môi trường tổng quát nhất tác động đến văn phòng của doanh nghiệp, của tổ chức, và những chức năng cơ bản của quản trị Hành chính văn phòng trong tổ chức, trong đơn vị kinh doanh, bao gồm: hoạch định, tổ chức, điều khiển lãnh đạo, và kiểm tra/ kiểm soát công việc văn phòng.  | 2(0+2)  | Học kì 5 | Tiểu luận   |
| 28 | Thanh toán quốc tế (0+2)            | Học phần Thanh Toán Quốc Tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vấn đề thanh toán quốc tế trong lĩnh vực ngoại thương: tỷ giá, cơ sở hình thành tỷ giá, cách tính tỷ giá giữa các đồng tiền của các quốc gia khác nhau, các công cụ trong thanh toán quốc tế như hối phiếu, kỳ phiếu, séc; Các phương thức thanh toán quốc tế như chuyển tiền, nhờ thu, CAD, thanh toán bằng tín dụng chứng từ.  | 2 (2+0) | Học kì 5 | Tự luận     |
| 29 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2+0) | Học phần bao gồm 6 chương: Chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin như hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam. | 2 (2+0) | Học kì 6 | Trắc nghiệm |
| 30 | Đàm phán trong kinh doanh (2+0)     | Môn Đàm phán trong kinh doanh là học phần về khả năng thương thuyết các nội dung đối với hệ thống sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đối với hoạt động kinh doanh sản phẩm. Thông qua kiến thức và kỹ năng được nghiên cứu, sinh viên xác định đối tượng thực thi đàm phán. Từ đó, xây dựng hoạch định các nội dung trước khi đàm phán và tổ chức, điều hành chương trình đàm phán; cuối cùng kiểm soát kết quả đàm phán thông qua hợp đồng thực thi.  | 2 (2+0) | Học kì 6 | Tiểu luận   |

|    |  |  |         |          |           |
|----|--|--|---------|----------|-----------|
| 31 | Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh (2+0) | Môn học cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách xây dựng nét văn hóa riêng cho bản thân và cho doanh nghiệp, thể hiện trách nhiệm đạo đức đối với cộng đồng trong kinh doanh.   | 2 (2+0) | Học kì 6 | Tiểu luận |
| 32 | Thực tập doanh nghiệp 2 (0+3)                    | Học phần tạo cơ hội cho sinh viên trải nghiệm trong môi trường làm việc thực tế. Sinh viên trực tiếp tham gia vào các quy trình làm việc tại doanh nghiệp. Sinh viên chọn một bộ phận, phòng ban để thực tập thực tế. Sau thực tập, sinh viên có thể phân tích, lập kế hoạch kinh doanh, dự án kinh doanh, xây dựng thương hiệu, xây dựng chính sách quản trị nhân sự, quản trị bán hàng.  | 3(0+3)  | Học kì 6 | Báo cáo   |
| 33 | Những vấn đề kinh tế - xã hội Đông Nam bộ (2+0)  | <p>Đông Nam Bộ có vị trí địa lý thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, là vùng có nền kinh tế hàng hóa, cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ phát triển hơn so với các vùng khác trong cả nước, luôn dẫn đầu cả nước về tổng sản phẩm, giá trị sản lượng công nghiệp và giá trị hàng xuất khẩu.</p> <p>Học phần cung cấp cho người học những thông tin cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của vùng đất Nam Bộ với những đặc trưng về kinh tế - xã hội, từ đó giúp người học có thể định vị vai trò dẫn dắt, kết nối của các tỉnh thành Đông Nam Bộ đối với khu vực phía Nam Việt Nam. Qua đó, người học có thể hình thành những năng lực nghiên cứu và kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống và công việc của mình.</p> | (2+0)   | Học kỳ 7 | Tự luận   |
| 34 | Nghiên cứu thị trường (0+2)                      | Về kiến thức, sinh viên nắm vững lý thuyết và thực hành các hoạt động thực tiễn về nghiên cứu thị trường, có kiến thức thu thập và phân tích dữ liệu một cách khoa học. Bên cạnh đó sinh viên được trang bị các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, trình bày vấn đề, phát triển khả năng phân tích và tổng hợp một cách khoa học. Từ đó, sinh viên cũng hiểu được tầm quan trọng của nghiên cứu thị trường và ảnh hưởng   | (0+2)   | Học kỳ 7 | Tiểu luận |

|    |                               |  |       |             |           |
|----|-------------------------------|--|-------|-------------|-----------|
|    |                               | của nó đối với sự phát triển và tồn tại của các doanh nghiệp và tổ chức.   |       |             |           |
| 35 | Quản trị nguồn nhân lực (3+0) | Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản nhất về: vai trò, chức năng quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức; những ảnh hưởng, ràng buộc (môi trường) của pháp luật, công nghệ, môi trường cạnh tranh tới quản trị nguồn nhân lực; phân tích công việc và định mức lao động; lập kế hoạch nguồn nhân lực; xây dựng chính sách và tổ chức tuyển dụng; đào tạo & phát triển nhân viên, đánh giá thành tích công tác của nhân viên; xây dựng chính sách và thực hành các hình thức trả lương bổng và đãi ngộ đối với lao động, xử lý các quan hệ lao động. |       | Học kỳ<br>7 | Tiểu luận |
| 36 | Quản trị tài chính (2+0)      | Học phần này trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu cơ bản về tài chính doanh nghiệp: tổng quan về tài chính doanh nghiệp, phân tích các tỷ số tài chính của doanh nghiệp, quản lý các nguồn vốn của doanh nghiệp, quản lý đầu tư của doanh nghiệp, quản lý doanh lợi và rủi ro trong đầu tư của doanh nghiệp   | (2+0) | Học kỳ<br>7 | Tự luận   |
| 37 | Tài chính doanh nghiệp (2+0)  | Học phần này trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu cơ bản về tài chính doanh nghiệp: tổng quan về tài chính doanh nghiệp, phân tích các tỷ số tài chính của doanh nghiệp, quản lý các nguồn vốn của doanh nghiệp, quản lý đầu tư của doanh nghiệp, quản lý doanh lợi và rủi ro trong đầu tư của doanh nghiệp   | (2+0) | Học kỳ<br>7 | Tự luận   |
| 38 | Nghệ thuật lãnh đạo (2+0)     | Trên nền tảng hiểu được bản chất của con người, các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý của con người, các qui luật tâm lý, người học có thể vận dụng kiến thức về các kỹ năng của nhà lãnh đạo (Phong cách, Quyền hạn, Động viên, Tâm lý) vào trong việc xử lý các tình huống thực tế, nhằm đạt được hiệu quả trong quản lý. Sinh viên có thể vận dụng linh hoạt từng kỹ năng của nhà lãnh đạo vào ứng xử các tình huống cụ thể. <i>Kỹ năng Phong cách</i> với Mô hình 4 phong cách: Độc đoán, Dân chủ, Tự do, Bàn giấy.  | (2+0) | Học kỳ<br>7 | Tiểu luận |
| 39 | Thực tập kỹ năng kinh         | Học phần này giúp cho sinh viên củng cố lại kiến thức lý thuyết đã được  | (0+2) | Học kỳ      | Tiểu luận |

|    |                                   |   |       |          |             |
|----|-----------------------------------|---|-------|----------|-------------|
|    | doanh (0+2)                       | học trong các học phần trước có liên quan đến các nghiệp vụ của chuyên viên quản trị kinh doanh. Đặc biệt, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thực hành nghiệp vụ như một chuyên viên kinh doanh thực sự. Bao gồm các nội dung thực hành sau: Xây dựng hình ảnh tác phong chuyên nghiệp; Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh; Tìm kiếm khách hàng tiềm năng; Bán hàng online, offline, qua điện thoại; Kỹ thuật chốt sale hiệu quả; Xây dựng kênh phân phối; Kỹ năng chăm sóc khách hàng; Kỹ năng viết CV và phỏng vấn cơ bản; Kỹ năng chinh phục nhà tuyển dụng. Các nội dung thực hành này giúp người học định hình và trải nghiệm thực tế những công việc của chuyên viên kinh doanh trong doanh nghiệp. |       | 7        |             |
| 40 | Chủ nghĩa xã hội khoa học (2+0)   | Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học (đó là những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin).  | (2+0) | Học kỳ 8 | Trắc nghiệm |
| 41 | Quản trị chất lượng (0+2)         | Môn học cung cấp hệ thống kiến thức chuyên sâu về hoạt động thiết lập, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng cho một doanh nghiệp. Học phần giúp hoạch định chất lượng, kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng. Từ đó hỗ trợ doanh nghiệp hướng đến sự thành công lâu dài trong tiến trình thích nghi với sự thay đổi của bối cảnh bên trong lẫn bên ngoài.   | (0+2) | Học kỳ 8 | Tiểu luận   |
| 42 | Quản trị kinh doanh quốc tế (2+0) | Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về môi trường kinh doanh quốc tế, từ đó hoạch định được các chiến lược kinh doanh phù hợp với từng giai đoạn phát triển của công ty, cũng như thực hiện việc quản trị các hoạt động của công ty tham gia hoạt động kinh doanh quốc tế   | (2+0) | Học kỳ 8 | Tiểu luận   |
| 43 | Quản trị Marketing (2+0)          | Môn học được thiết kế với mục tiêu giúp sinh viên xác định nhu cầu và mong muốn của khách hàng mục tiêu. Những kiến thức về quản trị Marketing còn giúp sinh viên phân tích tình hình Marketing bên trong và  | (2+0) | Học kỳ 8 | Tiểu luận   |

|    |                          |  |       |          |           |
|----|--------------------------|--|-------|----------|-----------|
|    |                          | <p>bên ngoài doanh nghiệp bằng cách đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của doanh nghiệp và lập chiến lược Marketing, ứng dụng quản lý Marketing cho những lĩnh vực kinh doanh khác nhau.</p> <p>Trong suốt quá trình học, sinh viên có thể hình thành một số kỹ năng cá nhân: tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm; và nhận thức những giá trị cốt lõi và thái độ đúng đắn của một người làm marketing.</p> <p>Thông qua làm việc nhóm, sinh viên sẽ nâng cao kỹ năng làm việc nhóm (thảo luận, tranh luận, thống nhất vấn đề/ quan điểm) cũng như kỹ năng viết, kỹ năng nói và thuyết trình của sinh viên sẽ được nâng lên.</p> |       |          |           |
| 44 | Quản trị sản xuất (3+0)  | <p>Học phần đề cập đến các nội dung phân tích điều kiện môi trường và nguồn lực của doanh nghiệp để dự kiến các phương án dự báo nhu cầu sản phẩm, quản trị công suất, định vị doanh nghiệp, bố trí mặt bằng sản xuất trong doanh nghiệp, hoạch định tổng hợp, điều độ sản xuất, quản trị nguyên vật liệu, quản trị hàng dự trữ nhằm lựa chọn các phương án tối ưu nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có hiệu quả.</p>  | (3+0) | Học kỳ 8 | Tự luận   |
| 45 | Thương mại điện tử (0+2) | <p>Cung học cung cấp kiến thức cơ bản về thương mại điện tử: khái niệm, mô hình thương mại điện tử, sự khác nhau giữa thương mại điện tử và thương mại truyền thống, những lợi ích và rủi ro khi thực hiện thương mại điện tử, tìm hiểu các chiến lược xây dựng thương mại điện tử cho các mô hình tổ chức, doanh nghiệp khác nhau.</p> <p>Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng ứng dụng CNTT trong thương mại điện tử: thiết kế web, xây dựng hệ thống thanh toán; những quy định, pháp luật trong giao dịch điện tử và vấn đề an ninh trong giao dịch TMĐT.</p> <p>Sử dụng hiệu quả phương pháp phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh</p>            | (0+2) | Học kỳ 8 | Tiểu luận |

|    |                                      |   |       |           |             |
|----|--------------------------------------|---|-------|-----------|-------------|
|    |                                      | giá dữ liệu, thông tin khoa học và tiên tiến.   |       |           |             |
| 46 | Thực tập phần mềm mô phỏng ERP (0+2) | Học phần Thực hành mô phỏng phần mềm ERP giới thiệu các được các kiến thức cơ bản về chức năng của phần mềm ERP, giúp sinh viên có kỹ năng phân tích được nguồn dữ liệu và quy trình nghiệp vụ của doanh nghiệp. Ngoài ra sinh viên sẽ được thực hành các kỹ năng quản lý danh mục tồn kho, quản lý danh mục nhà cung cấp, quản lý cung ứng mua hàng, quản lý kho hàng, quản lý danh mục khách hàng, quản lý phân phối & bán hàng, xây dựng định mức sản phẩm, lập kế hoạch sản xuất, quản lý phân xưởng, quản trị hệ thống   | (0+2) | Học kỳ 9  | Thực hành   |
| 47 | Thực tập doanh nghiệp 3 (0+4)        | Học phần này nhằm cung cấp cho SV có cơ hội trải nghiệm với nghề nghiệp thông qua đó tổng hợp và áp dụng các kiến thức chuyên ngành áp dụng vào thực tiễn doanh nghiệp  | (0+4) | Học kỳ 9  | Báo cáo     |
| 48 | Tư tưởng Hồ Chí Minh (2+0)           | Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1, trình bày về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chương 2 trình bày cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam.  | (2+0) | Học kỳ 10 | Trắc nghiệm |
| 49 | Khởi nghiệp (0+2)                    | <p><i>Mục tiêu về kiến thức</i> : Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản hữu ích về khởi nghiệp, giúp sinh viên chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới cũng như biết cách tránh được các khó khăn không cần thiết trên con đường khởi nghiệp.</p> <p><i>Mục tiêu về kỹ năng</i>: Hình thành được sự sáng tạo và hoàn thiện kỹ năng nghiên cứu thị trường nhằm phát triển thành công kế hoạch kinh doanh. Bên cạnh đó sinh viên cũng biết cách kỹ năng xây dựng kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh.</p> <p><i>Mục tiêu về thái độ</i>: Nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp.</p> | (0+2) | Học kỳ 10 | Tiểu luận   |



|    |                                      |  |       |            |           |
|----|--------------------------------------|--|-------|------------|-----------|
| 50 | Quản trị chuỗi cung ứng (2+0)        | Học phần bao gồm 6 chương nhằm trình bày các kiến thức về chuỗi cung ứng, quản trị chuỗi cung ứng và những kỹ năng cần thiết để ứng dụng quản trị chuỗi cung ứng trong thực tế kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm: tổng quan về quản trị chuỗi cung ứng, các quy trình về hoạch định, thu mua, sản xuất và phân phối, ứng dụng CNTT trong chuỗi cung ứng, hệ thống đo lường hiệu suất hoạt động và các bước xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng. Song song đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng như: tư duy phân tích, tư duy phản biện, tư duy giải quyết vấn đề và kỹ năng làm việc nhóm. | (2+0) | Họ c kỳ 10 | Tiểu luận |
| 51 | Quản trị dự án (3+0)                 | Môn Quản trị dự án đi sâu vào các nội dung phân tích, quản trị điều hành dự án, bao gồm: Phân tích thị trường trong quản trị điều hành dự án; phân tích kỹ thuật dự án, lập kế hoạch tiến độ thi công dự án; vấn đề tổ chức, nhân sự của dự án; phân tích, tính toán các chỉ tiêu tài chính và phân tích vấn đề kinh tế - xã hội của dự án.  | (3+0) | Họ c kỳ 10 | Tự luận   |
| 52 | Quản trị xuất nhập khẩu (0+2)        | Trong xu thế toàn cầu hóa, hầu hết các doanh nghiệp đều muốn mở rộng thị trường ra ngoài biên giới quốc gia. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam những năm gần đây cho thấy ngày một gia tăng của các giao dịch ngoại thương. Tuy nhiên, khó khăn của doanh nghiệp Việt là sự thiếu hiểu biết về các điều kiện thương mại quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế. Môn học Quản trị xuất nhập khẩu cung cấp các kiến thức về phương pháp mua bán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế và lập hợp đồng ngoại thương .   | (0+2) | Họ c kỳ 10 | Tự luận   |
| 53 | Quản trị rủi ro (3+0)                | Môn học cung cấp hệ thống kiến thức về các vấn đề tổng quan về quản trị rủi ro doanh nghiệp, đề xuất giải pháp quản trị rủi ro tín dụng, lãi suất, tỷ giá, sử dụng các công cụ trên thị trường phái sinh để quản trị rủi ro doanh nghiệp   | (3+0) | Họ c kỳ 10 | Tự luận   |
| 54 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2+0) | Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử   | (2+0) | Họ c kỳ 11 | Tự luận   |

|    |                               |   |       |           |           |
|----|-------------------------------|---|-------|-----------|-----------|
|    |                               | <p>Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiên thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền(1930 – 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018). Qua đó khẳng định thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p> |       |           |           |
| 55 | PR - Quan hệ công chúng (3+0) | <p>Học phần đề cập đến những nội dung, quy trình và công cụ chính được sử dụng trong lĩnh vực PR trên nền tảng nghiên cứu, vận dụng và phát triển hệ thống cơ sở lý thuyết của tâm lý học, tâm lý xã hội học, nhân khẩu học, truyền thông, văn hóa và kinh tế học.</p> <p>Nội dung của môn học bao gồm: PR và vai trò của nó trong hoạt động của doanh nghiệp; những tiêu chuẩn và yêu cầu thiết yếu đối với người làm công tác PR; tiến trình hoạch định PR; quan hệ báo chí; lập kế hoạch tổ chức sự kiện &amp; tài trợ; quản lý khủng hoảng và PR nội bộ.</p>  | (3+0) | Học kỳ 11 | Tiểu luận |
| 56 | Quản trị chiến lược (3+0)     | <p>Học phần Quản trị chiến lược cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết chung, chuyên ngành cơ bản về quản trị chiến lược. Người học có hoạch định, thực hiện và kiểm soát chiến lược phù hợp với từng loại hình tổ chức. Đồng thời sử dụng hiệu quả phương pháp phân biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin khoa học và tiên tiến.</p>  | (3+0) | Học kỳ 11 | Tiểu luận |

|    |                            |  |       |           |           |
|----|----------------------------|--|-------|-----------|-----------|
| 57 | E-marketing (3+0)          | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiếp thị trực tuyến, giúp sinh viên nắm bắt nền tảng, hiện trạng và tiềm năng của Marketing thương mại điện tử.   | (3+0) | Học kỳ 11 | Tiểu luận |
| 58 | Quản trị thương hiệu (3+0) | Môn học cung cấp hệ thống kiến thức chuyên sâu về hoạt động quản trị, xây dựng và quảng bá Thương hiệu dưới góc độ doanh nghiệp (hay tổ chức). Trên cơ sở đó, người học có thể hoạch định và tổ chức thực hiện hoạt động này ở doanh nghiệp một cách hiệu quả, có thể tạo ra các chiến lược thương hiệu bằng việc xây dựng, đo lường và quản lý giá trị thương hiệu theo thời gian | (3+0) | Học kỳ 11 | Tiểu luận |
| 59 | Báo cáo tốt nghiệp (0+5)   | Vận dụng được kiến thức chuyên ngành để tiến hành nghiên cứu ; dựa trên kết quả nghiên cứu để đưa ra phương pháp cải tiến hoặc hoàn thiện quy trình/ nghiệp vụ cụ thể  | (0+5) | Học kỳ 12 | Báo cáo   |
| 60 | Thực tập tốt nghiệp (0+5)  | Học phần này nhằm cung cấp cho SV có cơ hội trải nghiệm với nghề nghiệp thông qua đó tổng hợp và áp dụng các kiến thức chuyên ngành để hoàn thiện các quy trình, chiến lược quản trị kinh doanh trong vai trò người chủ động nghiên cứu..  | (0+5) | Học kỳ 12 | Báo cáo   |

**Khóa 2018-2020, Hệ văn bằng 2 Ngành Quản trị kinh doanh**

| STT | Tên môn học   | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1.  | Luật kinh tế  | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực pháp luật kinh tế như: Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật Thương mại, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh và Luật Phá sản. Từ đó, sinh viên có những nhận thức chung về pháp luật điều chỉnh những hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường. | 2 (2 + 0)  | Học kỳ 1             | Tự luận                        |
| 2.  | Kinh tế vi mô | Kinh tế vi mô bao gồm các kiến thức cơ bản nghiên cứu cách thức mà các hộ gia đình, các doanh nghiệp ra quyết định và tác động lẫn nhau trong một thị trường nào đó ở góc độ chi tiết, riêng lẻ. Nội dung môn học   | 3 (3 + 0)  | Học kỳ 1             | Trắc nghiệm                    |

|    |                                     |   |           |          |             |
|----|-------------------------------------|---|-----------|----------|-------------|
|    |                                     | gồm các vấn đề lớn: Các vấn đề chung: Giới thiệu các khái niệm và 3 vấn đề cơ bản của kinh tế vi mô. Cung & cầu: giải thích các yếu tố xác định hàm số cung và hàm số cầu, các quy luật tác động đến cung và cầu. Lý thuyết người tiêu dùng: nghiên cứu hành vi người tiêu dùng và phương pháp lựa chọn tối ưu. Lý thuyết về sản xuất và chi phí: nghiên cứu hành vi nhà sản xuất, phương pháp lựa chọn tối ưu, đặc điểm và tính chất của các loại thị trường   |           |          |             |
| 3. | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | Định hướng chung của môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản của lý thuyết xác suất và thống kê toán. Sinh viên hiểu được sự vận dụng quy luật xác suất để xây dựng các phương pháp ra quyết định trong điều kiện thông tin không đầy đủ trong thống kê. Các kiến thức xác suất thống kê học được phải có tính thực tiễn để người học có thể áp dụng vào thực tế của ngành học.   | 3 (3 + 0) | Học kỳ 1 | Tự luận     |
| 4. | Nguyên lý thống kê kinh tế          | Học phần Nguyên lý thống kê kinh tế nghiên cứu những cơ sở lý luận, phương pháp luận của thống kê học ; cung cấp hệ thống các khái niệm cơ bản trong thống kê, các phương pháp trình bày dữ liệu ; thống kê mô tả ; phân tích thống kê làm cơ sở cho dự báo các hiện tượng khoa học và logic. Học phần còn là nền tảng quan trọng cho các học phần có liên quan như Phương pháp định lượng, Kinh tế lượng,... cũng như trong công tác nghiên cứu khoa học   | 3(3 + 0)  | Học kỳ 1 | Tự luận     |
| 5. | Kinh tế vĩ mô                       | Kinh tế vĩ mô bao gồm các kiến thức cơ bản nghiên cứu cách thức tác động của các chính sách lên các chỉ tiêu kinh tế quốc gia. Nội dung môn học gồm các vấn đề lớn: Khái quát về kinh tế học vĩ mô: Giới thiệu các vấn đề của kinh tế vĩ mô và các công cụ điều tiết vĩ mô của chính phủ. Đo lường sản lượng quốc gia: Giới thiệu phương pháp xác định sản lượng quốc gia (GDP). Xác định sản lượng cân bằng trong nền kinh tế mở: Nghiên cứu phương pháp xác định sản lượng cân bằng và sự thay đổi của các thành phần trong tổng cầu tác động đến sản lượng quốc gia. Thị trường tiền tệ: Giới thiệu cung-cầu, sự cân bằng trên thị trường tiền tệ và tác động của lãi suất đến sản lượng quốc gia. Thị | 3 (3 + 0) | Học kỳ 1 | Trắc nghiệm |

|    |                    |   |           |          |             |
|----|--------------------|---|-----------|----------|-------------|
|    |                    | trường ngoại tệ và cán cân thanh toán: Giới thiệu thị trường ngoại tệ, cán cân thanh toán và tác động của TGHD đến sản lượng quốc gia. Mô hình IS – LM: Giới thiệu đường IS – LM và sự cân bằng trên thị trường hàng hóa và tiền tệ. Tổng cung – Tổng cầu: Giới thiệu tổng cung – tổng cầu và mô hình AS – AD. Phân tích chính sách kinh tế vĩ mô: Nghiên cứu tác động của các chính sách đến tổng cầu. Lạm phát – Thất nghiệp: Tác động của thất nghiệp và lạm phát – Các biện pháp hạn chế.                                     |           |          |             |
| 6. | Quản trị học       | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp). Qua học phần này người học sẽ nắm được lý thuyết chung về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp), bao gồm : khái niệm và sự cần thiết của quản trị, các chức năng cơ bản của quản trị, các kỹ năng yêu cầu đối với nhà quản trị, ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của doanh nghiệp, ra quyết định quản trị, lãnh đạo và động viên nhân viên. Ngoài ra học phần còn đề cập đến các tư tưởng quản trị và một số mô hình quản trị hiện đại. | 3 (2 + 1) | Học kỳ 1 | Tiểu luận   |
| 7. | Marketing căn bản  | Môn học được thiết kế với mục tiêu chỉ ra các hoạt động cơ bản trong quá trình xác định và đáp ứng nhu cầu và mong muốn của khách hàng mục tiêu. Những kiến thức cơ bản về Marketing còn giúp sinh viên lý giải được một số sự vật hiện tượng xảy ra trong đời sống hàng ngày. Ngoài ra, trong suốt quá trình học, sinh viên có thể hình thành một số kỹ năng cá nhân: tư duy phản biện (cấp độ cơ bản), kỹ năng làm việc nhóm; và nhận thức những giá trị cốt lõi và thái độ đúng đắn của một người làm marketing.               | 2 (1 + 1) | Học kỳ 1 | Trắc nghiệm |
| 8. | Hành vi khách hàng | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hành vi khách hàng thông qua các lý thuyết về tâm lý học, tâm lý xã hội học, nhân khẩu học, truyền thông, văn hóa và kinh tế học. Qua môn học sinh viên sẽ thông hiểu về vai trò trung tâm của khách hàng trong công tác marketing và có thể vận dụng các mô hình tiếp thu từ môn học làm công cụ phân tích hành vi khách hàng trong điều kiện thực tế.<br>Chiến lược marketing sẽ được xem xét dưới góc độ xã   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 1 | Tiểu luận   |

|     |                             |  |           |          |           |
|-----|-----------------------------|--|-----------|----------|-----------|
|     |                             | <p>hội rộng hơn và sẽ bao gồm những vấn đề đương đại như đạo đức kinh doanh, các quy định của Nhà nước, phong trào bảo vệ người tiêu dùng...</p> <p>Nội dung cụ thể bao gồm các khái niệm hành vi khách hàng ứng dụng trong việc ra quyết định marketing, các mô hình hành vi tiêu dùng, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định mua hàng của khách hàng, và nghiên cứu hành vi khách hàng.</p>   |           |          |           |
| 9.  | Lý thuyết Tài chính tiền tệ | <p>Học phần Tài chính tiền tệ là một học phần cơ sở ngành, nó cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Tài chính và tiền tệ Ngân hàng trong nền kinh tế thị trường. Bao gồm các nội dung như: Đại cương về tài chính, Chính sách tài chính quốc gia; Đại cương về Tiền tệ, Chính sách tiền tệ; Tín dụng; Lãi suất; Tài chính công; Vấn đề lạm phát và kiểm soát lạm phát; Hệ thống Ngân hàng trong nền kinh tế bao gồm Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia; Định chế tài chính phi ngân hàng; Tài chính quốc tế. Kiến thức Tài chính tiền tệ trở thành kiến thức cơ sở, nền tảng để người học tiếp cận các môn học chuyên ngành Tài chính ngân hàng.</p> | 3 (3 + 0) | Học kỳ 1 | Tự luận   |
| 10. | Quản trị marketing          | <p>Môn học được thiết kế với mục tiêu chỉ ra sinh viên các phương pháp trong quá trình xác định và đáp ứng nhu cầu và mong muốn của khách hàng mục tiêu. Những kiến thức về quản trị Marketing còn giúp sinh viên phân tích tình hình Marketing bên trong và bên ngoài doanh nghiệp bằng cách đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của doanh nghiệp và lập chiến lược Marketing, ứng dụng quản lý Marketing cho những lĩnh vực kinh doanh khác nhau.. Ngoài ra, trong suốt quá trình học, sinh viên có thể hình thành một số kỹ năng cá nhân: tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm; và nhận thức những giá trị cốt lõi và thái độ đúng đắn của một người làm marketing.</p>      | 2 (2 + 0) | Học kỳ 2 | Tiểu luận |
| 11. | Quản trị chất lượng         | <p>- Cung cấp cho học viên những kiến thức thuộc lý thuyết chung, chuyên ngành cơ bản về QTCL hiện đang áp dụng trên thế giới và hướng đến năng lực học tập suốt đời.</p> <p>- Vận dụng tốt các hệ thống quản lý phù hợp với</p>   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 2 | Tự luận   |

|     |                         |   |           |          |           |
|-----|-------------------------|---|-----------|----------|-----------|
|     |                         | <p>QTCL từng loại hình tổ chức trong bối cảnh luôn thay đổi với tinh thần “dĩ bất biến - ứng vạn biến”.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp dụng nhuần nhuyễn và có khả năng sáng tạo đổi mới với các công cụ, kỹ thuật kiểm soát chất lượng phù hợp với từng loại hình tổ chức.</li> <li>- Sử dụng có hiệu quả phương pháp phân biệt, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin khoa học và tiên tiến.</li> <li>- Triển khai tốt phương pháp cải tiến HTQLCL theo thông lệ quốc tế.</li> </ul>  |           |          |           |
| 12. | Nguyên lý kế toán       | <p>Môn Nguyên lý kế toán nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kế toán – một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Sinh viên được trình bày về những lý thuyết căn bản, mục tiêu của kế toán, đối tượng của kế toán, nguyên tắc và các phương pháp kế toán được vận dụng cũng như các bước thực hành cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản,...) Sinh viên được thực hành về các bước cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản,...)</p>                                      | 3(2 + 1)  | Học kỳ 2 | Tự luận   |
| 13. | Quản trị nguồn nhân lực | <p>Quản trị nguồn nhân lực là chức năng quan trọng không thể thiếu trong bất kỳ tổ chức nào. Tất cả các nhà quản trị đều tham gia nhiều hay ít vào công tác quản trị nguồn nhân lực. Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản nhất về: vai trò, chức năng quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức; những ảnh hưởng, ràng buộc (môi trường) của pháp luật, công nghệ, môi trường cạnh tranh tới quản trị nguồn nhân lực; phân tích công việc và định mức lao động; lập kế hoạch nguồn nhân lực; xây dựng chính sách và tổ chức tuyển dụng; đào tạo &amp; phát triển nhân viên, đánh giá thành tích công tác của nhân viên; xây dựng chính sách và thực hành các hình thức trả lương bổng và đãi ngộ đối với lao động, xử lý các quan hệ lao động.</p> | 2 (1 + 1) | Học kỳ 2 | Tiểu luận |

|     |                                |   |           |          |           |
|-----|--------------------------------|---|-----------|----------|-----------|
| 14. | Nghiên cứu thị trường          | Môn học được thiết kế với mục tiêu chỉ ra sinh viên hiểu được vai trò, lợi ích của nghiên cứu thị trường, mối quan hệ giữa nghiên cứu thị trường và xây dựng chiến lược kinh doanh nhằm xác định và đáp ứng nhu cầu và mong muốn của khách hàng mục tiêu. Những kiến thức về nghiên cứu thị trường còn giúp sinh viên nắm được các phương pháp nghiên cứu thị trường, biết cách thẩm định, đánh giá báo cáo kết quả, phân tích kết quả nghiên cứu thị trường, ứng dụng nghiên cứu thị trường cho những lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Ngoài ra, trong suốt quá trình học, sinh viên có thể hình thành một số kỹ năng cá nhân: tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm; và nhận thức những giá trị cốt lõi và thái độ đúng đắn của một người làm marketing | 2 (1 + 1) | Học kỳ 2 | Tiểu luận |
| 15. | Phân tích hoạt động kinh doanh | Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh chuyển tải các kiến thức về Phân tích đánh giá các hoạt động SXKD của doanh nghiệp. Bao gồm các nội dung: Ý nghĩa, vai trò, chức năng và tầm quan trọng của phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp; Các phương pháp và kỹ thuật phân tích HĐKD; Ứng dụng các phương pháp phân tích vào phân tích cụ thể các mặt của hoạt động kinh doanh: Phân tích kết quả sản xuất về khối lượng và chất lượng sản phẩm, phân tích Chi phí và giá thành cùng các yếu tố ảnh hưởng đến chi phí và giá thành, phân tích doanh thu - lợi nhuận và các nhân tố ảnh hưởng đến doanh thu - lợi nhuận, và phân tích báo tài chính của doanh nghiệp.   | 3 (2 + 1) | Học kỳ 2 | Tự luận   |
| 16. | Quản trị tài chính             | Học phần này trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu cơ bản về tài chính doanh nghiệp: tổng quan về tài chính doanh nghiệp, phân tích các tỷ số tài chính của doanh nghiệp, quản lý các nguồn vốn của doanh nghiệp, quản lý đầu tư của doanh nghiệp, quản lý doanh lợi và rủi ro trong đầu tư của doanh nghiệp  | 2 (1 + 1) | Học kỳ 2 | Tự luận   |
| 17. | Tài chính doanh nghiệp         | Môn học cung cấp hệ thống kiến thức về vai trò của hệ thống tài chính trong nền kinh tế, những vấn đề chung về TCDN, các kênh huy động vốn khả thi cho doanh nghiệp, tính toán và đưa ra quyết định huy   | 2 (1+1)   | Học kỳ 2 | Tự luận   |



|     |   |   |           |          |           |
|-----|---|---|-----------|----------|-----------|
|     |   | động vốn tối ưu cho doanh nghiệp, phân tích mức độ rủi ro và doanh lợi của các dự án đầu tư của doanh nghiệp, tính toán tính khả thi của các dự án đầu tư dài hạn dựa trên phân tích bảng dòng tiền và các chỉ số tài chính liên quan.  |           |          |           |
| 18. | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế | Môn học tập trung vào các phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và xã hội nhằm giúp học viên có khả năng thực hiện một nghiên cứu quan tâm trong tương lai dưới dạng độc lập cá nhân hay nhóm. Những nội dung được đề cập bao gồm xác định vấn đề, thiết kế nghiên cứu và thực hiện một nghiên cứu thực nghiệm (đánh giá những nghiên cứu trước, thu thập dữ liệu, sử dụng công cụ phân tích, viết và trình bày nghiên cứu...).   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 2 | Tiểu luận |
| 19. | Thanh toán quốc tế                            | Học phần Thanh Toán Quốc Tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vấn đề thanh toán quốc tế trong lĩnh vực ngoại thương. Giúp sinh viên nắm bắt và thao tác và nghiệp vụ liên quan đến giao dịch thanh toán quốc tế, bao gồm các nghiệp vụ giao dịch hối đoái, các phương thức thanh toán trong giao dịch thương mại quốc tế. Cách thức và phương pháp xử lý bộ chứng từ để đảm bảo an toàn cho các bên tham gia   | 3 (2 + 1) | Học kỳ 2 | Tự luận   |
| 20. | Quản trị bán hàng                             | Nội dung của môn học nhằm cung cấp kiến thức cơ bản, tư duy trong việc thực hiện công việc quản trị bán hàng: giới thiệu về công việc bán hàng, gồm tổng quan về quản trị bán hàng, hoạch định bán hàng, tổ chức bán hàng, tuyển chọn và huấn luyện bán hàng, lãnh đạo và động viên lực lượng bán hàng và kiểm soát bán hàng, những kỹ năng cần thiết đối với Giám đốc bán hàng như lãnh đạo, phân tích, dự báo bán hàng, lập hạn ngạch, tổ chức đội ngũ bán hàng, quản lý và làm tăng năng suất của lực lượng bán hàng, quản trị đội ngũ bán hàng... | 3 (3 + 0) | Học kỳ 3 | Tiểu luận |
| 21. | Quan hệ công chúng                            | Học phần đề cập đến những nội dung, quy trình và công cụ chính được sử dụng trong lĩnh vực PR trên nền tảng nghiên cứu, vận dụng và phát triển hệ thống   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 3 | Tiểu luận |

|     |                        |  |           |          |                        |
|-----|------------------------|--|-----------|----------|------------------------|
|     |                        | <p>cơ sở lý thuyết của tâm lý học, tâm lý xã hội học, nhân khẩu học, truyền thông, văn hóa và kinh tế học.</p> <p>Nội dung của môn học bao gồm: PR và vai trò của nó trong hoạt động của doanh nghiệp; những tiêu chuẩn và yêu cầu thiết yếu đối với người làm công tác PR; tiến trình hoạch định PR; quan hệ báo chí; lập kế hoạch tổ chức sự kiện &amp; tài trợ; quản lý khủng hoảng và PR nội bộ.</p>   |           |          |                        |
| 22. | Quản trị sản xuất      | <p>Học phần quản trị sản xuất trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về công tác quản trị sản xuất và điều hành trong doanh nghiệp. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ trong lĩnh vực sản xuất cũng như các kiến thức và kỹ năng về dự báo nhu cầu sản xuất, hoạch định công suất nhà máy, định vị doanh nghiệp, bố trí mặt bằng, hoạch định tổng hợp, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, quản lý hàng tồn kho, điều độ sản xuất. Đây là môn học thuộc kiến thức ngành, giúp người học nắm vững lý thuyết và vận dụng được trong thực tiễn tại các doanh nghiệp sản xuất và cung cấp dịch vụ.</p> | 3 (2 + 1) | Học kỳ 3 | Tự luận                |
| 23. | Nghiệp vụ ngoại thương | <p>Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về nghiệp vụ ngoại thương như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những điều kiện thương mại quốc tế Incoterms.</li> <li>- Nguyên tắc cơ bản và kỹ thuật về thương lượng trong hợp đồng ngoại thương.</li> <li>- Soạn thảo hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu.</li> <li>- Chứng từ xuất nhập khẩu. tổ chức thực hiện hợp đồng ngoại thương.</li> </ul>   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 3 | Trắc nghiệm và tự luận |
| 24. | Quản trị chiến lược    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết chung, chuyên ngành cơ bản về quản trị chiến lược hiện đang áp dụng trên thế giới và hướng đến năng lực học tập suốt đời.</li> <li>- Vận dụng tốt các hệ thống quản lý phù hợp với quản trị chiến lược từng loại hình tổ chức trong bối cảnh luôn thay đổi.</li> <li>- Áp dụng nhuần nhuyễn và có khả năng sáng tạo đối với các công cụ, kỹ thuật qua việc hoạch định, thực hiện và kiểm soát chiến lược phù hợp với từng loại hình tổ chức.</li> </ul>  | 2 (1 + 1) | Học kỳ 3 | Tiểu luận              |

|     |  |   |           |          |           |
|-----|--|---|-----------|----------|-----------|
|     |  | - Sử dụng có hiệu quả phương pháp phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin khoa học và tiên tiến.  |           |          |           |
| 25. | Quản trị thương hiệu                       | Môn học này giúp sinh viên nắm được những thuật ngữ chuyên môn, kiến thức cơ bản nhất về thương hiệu, những khía cạnh chủ yếu của tiến trình quản trị thương hiệu như: tạo dựng, duy trì, phát triển, bảo vệ và khai thác giá trị thương hiệu, hiểu biết một cách khái quát những công việc, nhiệm vụ, vai trò của nhà quản trị thương hiệu và môi trường làm việc trong lĩnh vực quản trị thương hiệu.   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 3 | Tiểu luận |
| 26. | Marketing quốc tế                          | Marketing quốc tế bao gồm phạm vi kiến thức cơ bản giúp doanh nghiệp có thể triển khai được các hoạt động kinh doanh và các hoạt động marketing hỗ trợ trong quá trình thâm nhập thị trường quốc tế. Môn học này là học phần quan trọng của chuyên ngành Kinh doanh quốc tế, nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức bổ sung và mở rộng kiến thức đã học ở môn học Marketing căn bản như: nghiên cứu, hoạch định marketing trong môi trường kinh doanh quốc tế và triển khai hiệu quả phối thức marketing quốc tế mở rộng (7P), đặc biệt trong marketing dịch vụ hiện nay.  | 2 (1 + 1) | Học kỳ 3 | Tiểu luận |
| 27. | Văn hóa doanh nghiệp và Đạo đức kinh doanh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm, các đặc tính và cá bộ phận cấu thành đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp</li> <li>- Các cơ sở và biện pháp xây dựng đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp</li> <li>- Nội dung quản lý thay đổi đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp</li> <li>- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu bản chất và vai trò của đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp</li> <li>- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện xây dựng nội dung đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp tại một công ty</li> <li>- Có ý thức đúng đắn trong việc xây dựng đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp</li> </ul> | 2 (1+1)   | Học kỳ 3 | Tiểu luận |

|     |                                      |  |           |          |           |
|-----|--------------------------------------|--|-----------|----------|-----------|
| 28. | Quản trị kinh doanh quốc tế          | Học phần giúp sinh viên hiểu biết sâu sắc về những hoạt động chủ yếu của các tổ chức Đa quốc gia, và khía cạnh quốc tế trong tiến trình quản trị của các tổ chức này; nhấn mạnh sự khác biệt về những chức năng quản trị giữa công ty hoạt động kinh doanh quốc tế và công ty chỉ hoạt động trong môi trường nội địa. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu những chiến lược cạnh tranh trên thị trường toàn cầu và xâm nhập thị trường thế giới. Sinh viên sẽ được trang bị cơ sở lý luận và phương pháp để phát triển tư duy và thực hiện hoạt động kinh doanh quốc tế sau này.  | 2 (1 + 1) | Học kỳ 3 | Tiểu luận |
| 29. | Quản trị hành chính văn phòng        | Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị Hành chính văn phòng, bao gồm những yếu tố môi trường tổng quát nhất tác động đến văn phòng của doanh nghiệp, của tổ chức, và những chức năng cơ bản của quản trị Hành chính văn phòng trong tổ chức, trong đơn vị kinh doanh, bao gồm: hoạch định, tổ chức, điều khiển lãnh đạo, và kiểm tra/ kiểm soát công việc văn phòng.   | 2 (1+1)   | Học kỳ 4 | Tiểu luận |
| 30. | Quản trị logistics và chuỗi cung ứng | Quản trị Logistics là môn học nghiên cứu các hoạt động tổ chức, xây dựng, và quản lý hệ thống chuỗi hoạt động cung ứng, hỗ trợ xuyên suốt từ khâu đầu vào đến đầu ra trong doanh nghiệp. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi hoạt động Logistics như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế hiện nay. Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản lý hoạt động Logistics để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. | 2 (1 + 1) | Học kỳ 4 | Tự luận   |
| 31. | Thương mại điện tử                   | - Cung cấp kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, các quy trình kinh doanh, các cơ hội của thương mại điện tử, bản chất quốc tế của thương mại điện tử. Ngoài ra, cung cấp các kiến thức về cơ sở hạ tầng thương mại   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 4 | Tiểu luận |

|     |                                |   |           |          |           |
|-----|--------------------------------|---|-----------|----------|-----------|
|     |                                | <p>điện tử, bán hàng trên Internet, marketing trên web, chiến lược B2B, B2C..., các khái niệm về môi trường thương mại điện tử, luật pháp.</p> <p>- Cung cấp kiến thức về công nghệ thương mại điện tử, an toàn thương mại điện tử, hệ thống thanh toán trong thương mại điện tử, các chiến lược phát triển website thương mại điện tử, quản lý thực hiện dự án thương mại điện tử.</p>   |           |          |           |
| 32. | Thực tập phần mềm mô phỏng ERP | <p>Học phần Thực hành mô phỏng phần mềm ERP giới thiệu các được các kiến thức cơ bản về chức năng của phần mềm ERP, giúp sinh viên có kỹ năng phân tích được nguồn dữ liệu và quy trình nghiệp vụ của doanh nghiệp. Ngoài ra sinh viên sẽ được thực hành các kỹ năng quản lý danh mục tồn kho, quản lý danh mục nhà cung cấp, quản lý cung ứng mua hàng, quản lý kho hàng, quản lý danh mục khách hàng, quản lý phân phối &amp; bán hàng, xây dựng định mức sản phẩm, lập kế hoạch sản xuất, quản lý phần xưởng, quản trị hệ thống</p>  | 3 (0+3)   | Học kỳ 4 | Thực hành |
| 33. | Quản trị dự án                 | <p>Môn Quản trị dự án trang bị cho người học những kiến thức lý thuyết về dự án đầu tư, bao gồm: khái niệm đầu tư, ý nghĩa của dự án đầu tư, phân loại dự án đầu tư; quản trị dự án đầu tư, ý nghĩa của quản trị dự án đầu tư...</p> <p>Môn Quản trị dự án đi sâu vào các nội dung phân tích, quản trị điều hành dự án, bao gồm: Phân tích thị trường trong quản trị điều hành dự án; phân tích kỹ thuật dự án, lập kế hoạch tiến độ thi công dự án; vấn đề tổ chức, nhân sự của dự án; phân tích, tính toán các chỉ tiêu tài chính và phân tích vấn đề kinh tế - xã hội của dự án.</p> | 2 (1 + 1) | Học kỳ 4 | Tự luận   |
| 34. | Nghệ thuật lãnh đạo            | <p>- Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản có liên quan đến hoạt động lãnh đạo. Trên cơ sở đó đi vào phân tích : Bản chất của lãnh đạo, phẩm chất và kỹ năng của nhà lãnh đạo, việc sử dụng quyền lực của nhà lãnh đạo sao cho có hiệu quả nhất, sự phù hợp giữa phong cách của nhà lãnh đạo với từng hoàn cảnh cụ thể, phát huy năng lực tập thể, khảo sát, đánh giá hiệu quả lãnh đạo theo phương pháp khoa học, nhằm đánh giá năng lực lãnh đạo, phân biệt được mặt mạnh, yếu</p>   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 4 | Tiểu luận |

|     |  |  |           |          |                  |
|-----|--|--|-----------|----------|------------------|
|     |  | <p>của người lãnh đạo và phân rõ trách nhiệm lãnh đạo...</p> <p>- Học phần này rất cần thiết đối với sinh viên khi tiếp cận thực tế trong quá trình ra quyết định.</p>   |           |          |                  |
| 35. | Hành vi tổ chức                          | <p>Hành vi tổ chức là môn học nghiên cứu một cách có hệ thống về các hành vi và thái độ của con người trong một tổ chức và sự tương tác giữa hành vi của con người với tổ chức nhằm đạt được mục tiêu của tổ chức.</p> <p>Nội dung môn học được thiết kế bao gồm 9 chương nhằm trang bị kiến thức để giúp sinh viên có thể hiểu, giải thích, dự đoán được hành vi ứng xử cũng như có những biện pháp cải biến những hành vi không mong đợi ở 3 cấp độ (1) Cấp độ cá nhân, (2) Cấp độ nhóm và (3) Cấp độ tổ chức.</p>   | 2 (1 + 1) | Học kỳ 4 | Tiểu luận        |
| 36. | Đàm phán trong kinh doanh                | <p>Môn Đàm phán trong kinh doanh là học phần về khả năng thương thuyết bằng tiếng Anh bao gồm các nội dung sau :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các dạng đàm phán, các khái niệm cơ bản cần ghi nhớ trong nghệ thuật đàm phán ;</li> <li>- Các bước chuẩn bị trước và trong khi tiến hành quá trình đàm phán ;</li> <li>- Các chiến thuật áp dụng và những sai lầm thường gặp trong quá trình đàm phán ;</li> <li>- Cách giành lợi thế trong đàm phán, rút kinh nghiệm và cải thiện khả năng đàm phán ;</li> <li>- Những yếu tố tác động đến quá trình đàm phán</li> </ul> | 2 (1 + 1) | Học kỳ 4 | Tiểu luận        |
| 37. | Thực tập tốt nghiệp                      | <p>Môn học nhằm giúp sinh viên cần tìm hiểu các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, các nghiệp vụ kinh doanh của doanh nghiệp.</li> <li>- Tìm hiểu phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các quy trình nghiệp vụ kinh doanh của các doanh nghiệp.</li> </ul>   | 6 (0 + 6) | Học kỳ 5 | Báo cáo          |
| 38. | Khóa luận tốt nghiệp/ Báo cáo tốt nghiệp | <p>Sau khi kết thúc xong đợt thực tập tốt nghiệp tại các đơn vị thực tập như doanh nghiệp, ngân hàng... sinh viên đã hoàn chỉnh báo cáo thực tập. Và sau đó sinh viên sẽ tiến hành làm báo cáo tốt nghiệp nếu đạt đủ điều kiện yêu cầu của Khoa và của Trường. Học phần</p>  | 5 (0 + 5) | Học kỳ 8 | Bảo vệ / báo cáo |

|  |   |  |  |  |
|--|---|--|--|--|
|  | <p>Báo cáo tốt nghiệp này sẽ giúp sinh viên có được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức về các vấn đề của tổ chức trong thực tiễn</li> <li>- Kinh nghiệm thu thập tài liệu</li> <li>- Kinh nghiệm trình bày một vấn đề nghiên cứu</li> <li>- Thuyết trình và hùng biện trước hội đồng khoa học</li> </ul> |  |  |  |
|--|---|--|--|--|

**Khóa 2020 -2022, Hệ liên thông chính quy (cao đẳng lên đại học) Ngành Quản trị kinh doanh**

| STT | Tên môn học                       | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1.  | Tư duy biện luận - sáng tạo (2+0) | Môn học củng cố cho sinh viên cách tư duy biện luận, cách học, nghiên cứu và ứng xử một cách hiệu quả và chuyên nghiệp nhằm đáp ứng các yêu cầu về phương pháp làm việc, học tập và nghiên cứu trong bậc đại học; giúp sinh viên có khả năng thích ứng với nhiều môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa. Giúp sinh viên vận dụng linh hoạt các tài liệu cũng như tự tìm tòi, bổ sung, cập nhật phù hợp với ngành của mình để thực hành, giải quyết bài tập tình huống ứng dụng        | 2          | Học kỳ 1             | Tiểu luận                      |
| 2.  | Nguyên lý kế toán (2+0)           | Môn Nguyên lý kế toán nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kế toán – một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Sinh viên được trình bày về những lý thuyết căn bản, mục tiêu của kế toán, đối tượng của kế toán, nguyên tắc và các phương pháp kế toán được vận dụng cũng như các bước thực hành cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản,...) | 2          | Học kỳ 1             | Tiểu luận                      |
| 3.  | Thực hành nguyên lý kế toán (0+1) | Sinh viên được thực hành về các bước cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản,...)   | 1          | Học kỳ 1             | Tự luận                        |
| 4.  | Luật kinh tế (2+0)                | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực pháp luật kinh tế như: Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật Thương mại, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh và Luật Phá sản. Từ đó,  | 2          | Học kỳ 1             | Tự luận                        |

|    |   |   |   |          |             |
|----|---|---|---|----------|-------------|
|    |   | sinh viên có những nhận thức chung về pháp luật điều chỉnh những hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường.   |   |          |             |
| 5. | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế (2+0) | Môn học tập trung vào các phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và xã hội nhằm giúp học viên có khả năng thực hiện một nghiên cứu quan tâm trong tương lai dưới dạng độc lập cá nhân hay nhóm. Những nội dung được đề cập bao gồm xác định vấn đề, thiết kế nghiên cứu và thực hiện một nghiên cứu thực nghiệm (đánh giá những nghiên cứu trước, thu thập dữ liệu, sử dụng công cụ phân tích, viết và trình bày nghiên cứu...).   | 2 | Học kỳ 1 | Tiểu luận   |
| 6. | Kinh tế vi mô (3+0)                                 | Môn học nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức chung về kinh tế học: khái niệm kinh tế học, 3 vấn đề cơ bản của kinh tế học, các lý thuyết kinh tế vi mô về: cung – cầu, lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng, lý thuyết về sản xuất và chi phí, các loại thị trường: thị trường cạnh tranh hoàn toàn, thị trường độc quyền hoàn toàn, thị trường cạnh tranh không hoàn toàn, thị trường các yếu tố sản xuất và rèn luyện cho SV các làm việc cá nhân, làm việc nhóm, thuyết trình, đặt câu hỏi, áp dụng lý thuyết đã học vào đánh giá các vấn đề kinh tế trong thực tiễn. Sinh viên vận dụng được các lý thuyết vào trong đánh giá các tình huống kinh tế trong thực tiễn.  | 3 | Học kỳ 1 | Trắc nghiệm |
| 7. | Kinh tế vĩ mô (3+0)                                 | Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quát về Kinh tế học vĩ mô và các nguyên lý cơ bản về cách thức hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Học phần trình bày cách tính các chỉ tiêu kinh tế - thước đo thành tựu của 1 nền kinh tế - như chỉ tiêu tổng sản lượng quốc gia, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ lạm phát..., cách xác định sản lượng cân bằng dựa vào mối quan hệ tổng cung - tổng cầu, các vấn đề kinh tế vĩ mô của 1 nền kinh tế mở và đặc biệt nhấn mạnh vai trò của Chính phủ trong việc điều hành nền kinh tế thông qua các chính sách kinh tế như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế cụ thể trong từng thời kì. Song song đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như: kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và các kỹ năng mềm như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình. | 3 | Học kỳ 1 | Trắc nghiệm |
| 8. | Quản trị nguồn nhân lực (3+0)                       | Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản nhất về: vai trò, chức năng quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức; những ảnh hưởng, ràng buộc (môi trường) của pháp luật, công nghệ, môi trường cạnh tranh tới quản trị nguồn nhân lực; phân tích công việc và định mức lao động; lập kế hoạch nguồn nhân lực; xây dựng chính sách và tổ chức tuyển dụng; đào tạo & phát triển nhân viên, đánh giá thành tích công tác của nhân viên; xây dựng chính sách và thực hành các hình thức trả lương bổng và đãi ngộ đối với lao động, xử lý các quan hệ lao động.  | 3 | Học kỳ 2 | Tiểu luận   |



|    |                                     |   |   |          |             |
|----|-------------------------------------|---|---|----------|-------------|
| 9. | Quản trị dự án (3+0)                | Môn Quản trị dự án đi sâu vào các <i>nội dung phân tích, quản trị điều hành dự án</i> , bao gồm: Phân tích thị trường trong quản trị điều hành dự án; phân tích kỹ thuật dự án, lập kế hoạch tiến độ thi công dự án; vấn đề tổ chức, nhân sự của dự án; phân tích, tính toán các chỉ tiêu tài chính và phân tích vấn đề kinh tế - xã hội của dự án.   | 3 | Học kỳ 2 | Tự luận     |
| 10 | Marketing căn bản (2+0)             | Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức khoa học trong marketing, gồm các vấn đề cụ thể: môi trường marketing, hành vi khách hàng, nghiên cứu marketing, phân khúc thị trường – lựa chọn thị trường mục tiêu – định vị thị trường, chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối, chiến lược xúc tiến. Vận dụng các kỹ năng như làm việc nhóm, làm việc độc lập, kỹ năng giao tiếp để giải quyết các tình huống marketing và kỹ năng đánh giá cơ hội kinh doanh trong hoạt động marketing.                               | 2 | Học kỳ 2 | Trắc nghiệm |
| 11 | Quản trị học (2+0)                  | Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị, bao gồm những yếu tố môi trường tổng quát nhất tác động đến doanh nghiệp, tổ chức, và những chức năng cơ bản của quản trị trong tổ chức kinh doanh, bao gồm: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, và kiểm tra.  | 2 | Học kỳ 2 | Tiểu luận   |
| 12 | Quản trị bán hàng (2+0)             | Nội dung của môn học nhằm cung cấp kiến thức cơ bản, tư duy trong việc thực hiện công việc quản trị bán hàng: giới thiệu về công việc bán hàng, gồm tổng quan về quản trị bán hàng, hoạch định bán hàng, tổ chức bán hàng, tuyển chọn và huấn luyện bán hàng, lãnh đạo và động viên lực lượng bán hàng và kiểm soát bán hàng, những kỹ năng cần thiết đối với Giám đốc bán hàng như lãnh đạo, phân tích, dự báo bán hàng, lập hạn ngạch, tổ chức đội ngũ bán hàng, quản lý và làm tăng năng suất của lực lượng bán hàng, quản trị đội ngũ bán hàng... | 2 | Học kỳ 2 | Tiểu luận   |
| 13 | Quản trị hành chính văn phòng (0+2) | Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị Hành chính văn phòng, bao gồm những yếu tố môi trường tổng quát nhất tác động đến văn phòng của doanh nghiệp, của tổ chức, và những chức năng cơ bản của quản trị Hành chính văn phòng trong tổ chức, trong đơn vị kinh doanh, bao gồm: hoạch định, tổ chức, điều khiển lãnh đạo, và kiểm tra/ kiểm soát công việc văn phòng.  | 2 | Học kỳ 2 | Tiểu luận   |
| 14 | Quản trị marketing (2+0)            | Môn học được thiết kế với mục tiêu giúp sinh viên xác định nhu cầu và mong muốn của khách hàng mục tiêu. Những kiến thức về quản trị Marketing còn giúp sinh viên phân tích tình hình Marketing bên trong và bên ngoài doanh nghiệp bằng cách đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của doanh nghiệp và lập chiến lược Marketing, ứng dụng quản lý Marketing cho những lĩnh vực kinh doanh khác nhau.   | 2 | Học kỳ 3 | Tiểu luận   |

|    |                                   |   |   |          |           |
|----|-----------------------------------|---|---|----------|-----------|
|    |                                   | <p>Trong suốt quá trình học, sinh viên có thể hình thành một số kỹ năng cá nhân: tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm; và nhận thức những giá trị cốt lõi và thái độ đúng đắn của một người làm marketing.</p> <p>Thông qua làm việc nhóm, sinh viên sẽ nâng cao kỹ năng làm việc nhóm (thảo luận, tranh luận, thống nhất vấn đề/ quan điểm) cũng như kỹ năng viết, kỹ năng nói và thuyết trình của sinh viên sẽ được nâng lên.</p>  |   |          |           |
| 15 | Thực tập kỹ năng kinh doanh (0+2) | Học phần này giúp cho sinh viên củng cố lại kiến thức lý thuyết đã được học trong các học phần trước có liên quan đến các nghiệp vụ của chuyên viên quản trị kinh doanh. Đặc biệt, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thực hành nghiệp vụ như một chuyên viên kinh doanh thực sự. Bao gồm các nội dung thực hành sau: Xây dựng hình ảnh tác phong chuyên nghiệp; Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh; Tìm kiếm khách hàng tiềm năng; Bán hàng online, offline, qua điện thoại; Kỹ thuật chốt sale hiệu quả; Xây dựng kênh phân phối; Kỹ năng chăm sóc khách hàng; Kỹ năng viết CV và phỏng vấn cơ bản; Kỹ năng chinh phục nhà tuyển dụng. Các nội dung thực hành này giúp người học định hình và trải nghiệm thực tế những công việc của chuyên viên kinh doanh trong doanh nghiệp. | 2 | Học kỳ 3 | Tiểu luận |
| 16 | Quản trị chất lượng (0+2)         | Môn học cung cấp hệ thống kiến thức chuyên sâu về hoạt động thiết lập, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng cho một doanh nghiệp. Học phần giúp hoạch định chất lượng, kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng. Từ đó hỗ trợ doanh nghiệp hướng đến sự thành công lâu dài trong tiến trình thích nghi với sự thay đổi của bối cảnh bên trong lẫn bên ngoài.   | 2 | Học kỳ 3 | Tiểu luận |
| 17 | Thực tập nghề nghiệp (0+3)        | Học phần này nhằm cung cấp cho SV có cơ hội trải nghiệm với nghề nghiệp thông qua đó tổng hợp và áp dụng các kiến thức chuyên ngành áp dụng vào thực tiễn doanh nghiệp  | 3 | Học kỳ 3 | Báo cáo   |
| 18 | Nghiên cứu thị trường (0+2)       | Môn học được thiết kế với mục tiêu chỉ ra sinh viên hiểu được vai trò, lợi ích của nghiên cứu thị trường, mối quan hệ giữa nghiên cứu thị trường và xây dựng chiến lược kinh doanh nhằm xác định và đáp ứng nhu cầu và mong muốn của khách hàng mục tiêu. Những kiến thức về nghiên cứu thị trường còn giúp sinh viên nắm được các phương pháp nghiên cứu thị trường, biết cách thẩm định, đánh giá báo cáo kết quả, phân tích kết quả nghiên cứu thị trường, ứng dụng nghiên cứu thị trường cho những lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Ngoài ra, trong suốt quá trình học, sinh viên có thể hình thành một số kỹ năng cá nhân: tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm; và nhận thức những giá trị cốt lõi và thái độ đúng đắn của một người làm                                 | 2 | Học kỳ 3 | Tiểu luận |

|    |                                 |   |   |          |           |
|----|---------------------------------|---|---|----------|-----------|
|    |                                 | marketing   |   |          |           |
| 19 | Quản trị chiến lược (2+0)       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết chung, chuyên ngành cơ bản về quản trị chiến lược hiện đang áp dụng trên thế giới và hướng đến năng lực học tập suốt đời.</li> <li>- Vận dụng tốt các hệ thống quản lý phù hợp với quản trị chiến lược từng loại hình tổ chức trong bối cảnh luôn thay đổi.</li> <li>- Áp dụng nhuần nhuyễn và có khả năng sáng tạo đối với các công cụ, kỹ thuật qua việc hoạch định, thực hiện và kiểm soát chiến lược phù hợp với từng loại hình tổ chức.</li> <li>- Sử dụng có hiệu quả phương pháp phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin khoa học và tiên tiến.</li> </ul> | 2 | Học kỳ 3 |           |
| 20 | Quản trị tài chính (2+0)        | Học phần này trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu cơ bản về tài chính doanh nghiệp: tổng quan về tài chính doanh nghiệp, phân tích các tỷ số tài chính của doanh nghiệp, quản lý các nguồn vốn của doanh nghiệp, quản lý đầu tư của doanh nghiệp, quản lý doanh lợi và rủi ro trong đầu tư của doanh nghiệp  | 2 | Học kỳ 4 | Tự luận   |
| 21 | Đàm phán trong kinh doanh (2+0) | <p>Môn Đàm phán trong kinh doanh là học phần về khả năng thương thuyết bằng tiếng Anh bao gồm các nội dung sau :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các dạng đàm phán, các khái niệm cơ bản cần ghi nhớ trong nghệ thuật đàm phán ;</li> <li>- Các bước chuẩn bị trước và trong khi tiến hành quá trình đàm phán ;</li> <li>- Các chiến thuật áp dụng và những sai lầm thường gặp trong quá trình đàm phán ;</li> <li>- Cách giành lợi thế trong đàm phán, rút kinh nghiệm và cải thiện khả năng đàm phán ;</li> <li>- Những yếu tố tác động đến quá trình đàm phán</li> </ul>  | 2 | Học kỳ 4 | Tiểu luận |
| 22 | Quản trị xuất nhập khẩu (0+2)   | <p>Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về nghiệp vụ ngoại thương như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những điều kiện thương mại quốc tế Incoterms.</li> <li>- Nguyên tắc cơ bản và kỹ thuật về thương lượng trong hợp đồng ngoại thương.</li> <li>- Soạn thảo hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu.</li> <li>- Chứng từ xuất nhập khẩu. tổ chức thực hiện hợp đồng ngoại thương.</li> </ul>  | 2 | Học kỳ 4 | Tự luận   |
| 23 | Thương mại điện tử (0+2)        | - Cung cấp kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, các quy trình kinh doanh, các cơ hội của thương mại điện tử, bản chất quốc tế của thương mại điện tử. Ngoài ra, cung cấp các kiến thức về cơ sở hạ tầng thương mại điện tử, bán hàng trên Internet, marketing trên web, chiến lược B2B, B2C..., các khái niệm về môi trường thương mại điện tử, luật pháp.  | 2 | Học kỳ 4 | Tiểu luận |

|    |                                   |  |   |          |           |
|----|-----------------------------------|--|---|----------|-----------|
|    |                                   | - Cung cấp kiến thức về công nghệ thương mại điện tử, an toàn thương mại điện tử, hệ thống thanh toán trong thương mại điện tử, các chiến lược phát triển website thương mại điện tử, quản lý thực hiện dự án thương mại điện tử.  |   |          |           |
| 24 | Quản trị kinh doanh quốc tế (2+0) | Học phần giúp sinh viên hiểu biết sâu sắc về những hoạt động chủ yếu của các tổ chức Đa quốc gia, và khía cạnh quốc tế trong tiến trình quản trị của các tổ chức này; nhấn mạnh sự khác biệt về những chức năng quản trị giữa công ty hoạt động kinh doanh quốc tế và công ty chỉ hoạt động trong môi trường nội địa. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu những chiến lược cạnh tranh trên thị trường toàn cầu và xâm nhập thị trường thế giới. Sinh viên sẽ được trang bị cơ sở lý luận và phương pháp để phát triển tư duy và thực hiện hoạt động kinh doanh quốc tế sau này.  | 2 | Học kỳ 5 | Tiểu luận |
| 25 | Quản trị thương hiệu (2+0)        | Môn học này giúp sinh viên nắm được những thuật ngữ chuyên môn, kiến thức cơ bản nhất về thương hiệu, những khía cạnh chủ yếu của tiến trình quản trị thương hiệu như: tạo dựng, duy trì, phát triển, bảo vệ và khai thác giá trị thương hiệu, hiểu biết một cách khái quát những công việc, nhiệm vụ, vai trò của nhà quản trị thương hiệu và môi trường làm việc trong lĩnh vực quản trị thương hiệu.  | 2 | Học kỳ 5 | Tiểu luận |
| 26 | Quản trị sản xuất (2+0)           | Học phần quản trị sản xuất trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về công tác quản trị sản xuất và điều hành trong doanh nghiệp. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ trong lĩnh vực sản xuất cũng như các kiến thức và kỹ năng về dự báo nhu cầu sản xuất, hoạch định công suất nhà máy, định vị doanh nghiệp, bố trí mặt bằng, hoạch định tổng hợp, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, quản lý hàng tồn kho, điều độ sản xuất. Đây là môn học thuộc kiến thức ngành, giúp người học nắm vững lý thuyết và vận dụng được trong thực tiễn tại các doanh nghiệp sản xuất và cung cấp dịch vụ.                          | 2 | Học kỳ 5 | Tự luận   |
| 27 | Nghệ thuật lãnh đạo (2+0)         | - Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản có liên quan đến hoạt động lãnh đạo. Trên cơ sở đó đi vào phân tích : Bản chất của lãnh đạo, phẩm chất và kỹ năng của nhà lãnh đạo, việc sử dụng quyền lực của nhà lãnh đạo sao cho có hiệu quả nhất, sự phù hợp giữa phong cách của nhà lãnh đạo với từng hoàn cảnh cụ thể, phát huy năng lực tập thể, khảo sát, đánh giá hiệu quả lãnh đạo theo phương pháp khoa học, nhằm đánh giá năng lực lãnh đạo, phân biệt được mặt mạnh, yếu của người lãnh đạo và phân rõ trách nhiệm lãnh đạo...<br>- Học phần này rất cần thiết đối với sinh viên khi tiếp cận thực tế trong quá trình ra quyết định. | 2 | Học kỳ 5 | Tiểu luận |
| 28 | Hành vi tổ chức (2+0)             | Hành vi tổ chức là môn học nghiên cứu một cách có hệ thống về các hành vi và thái độ của con người trong một tổ chức và sự tương tác giữa hành vi của con người với tổ chức nhằm đạt được mục tiêu của tổ chức.<br>Nội dung môn học được thiết kế bao gồm 9 chương nhằm trang bị kiến thức để  | 2 | Học kỳ 5 | Tiểu luận |

|    |                                      |   |   |          |           |
|----|--------------------------------------|---|---|----------|-----------|
|    |                                      | giúp sinh viên có thể hiểu, giải thích, dự đoán được hành vi ứng xử cũng như có những biện pháp cải biến những hành vi không mong đợi ở 3 cấp độ (1) Cấp độ cá nhân, (2) Cấp độ nhóm và (3) Cấp độ tổ chức.   |   |          |           |
| 29 | Thực tập tốt nghiệp (0+5)            | Môn học nhằm giúp sinh viên cần tìm hiểu các vấn đề sau:<br>- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, các nghiệp vụ kinh doanh của doanh nghiệp.<br>- Tìm hiểu phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các quy trình nghiệp vụ kinh doanh của các doanh nghiệp.  | 5 | Học kỳ 6 | Báo cáo   |
| 30 | Thực tập phần mềm mô phỏng ERP (0+2) | Học phần Thực hành mô phỏng phần mềm ERP giới thiệu các được các kiến thức cơ bản về chức năng của phần mềm ERP, giúp sinh viên có kỹ năng phân tích được nguồn dữ liệu và quy trình nghiệp vụ của doanh nghiệp. Ngoài ra sinh viên sẽ được thực hành các kỹ năng quản lý danh mục tồn kho, quản lý danh mục nhà cung cấp, quản lý cung ứng mua hàng, quản lý kho hàng, quản lý danh mục khách hàng, quản lý phân phối & bán hàng, xây dựng định mức sản phẩm, lập kế hoạch sản xuất, quản lý phần xưởng, quản trị hệ thống | 2 | Học kỳ 6 | Thực hành |
| 31 | Báo cáo tốt nghiệp (0+5)             | Sau khi kết thúc xong đợt thực tập tốt nghiệp tại các đơn vị thực tập như doanh nghiệp, ngân hàng... sinh viên đã hoàn chỉnh báo cáo thực tập. Và sau đó sinh viên sẽ tiến hành làm báo cáo tốt nghiệp nếu đạt đủ điều kiện yêu cầu của Khoa và của Trường. Học phần Báo cáo tốt nghiệp này sẽ giúp sinh viên có được:<br>- Kiến thức về các vấn đề của tổ chức trong thực tiễn<br>- Kinh nghiệm thu thập tài liệu<br>- Kinh nghiệm trình bày một vấn đề nghiên cứu<br>- Thuyết trình và hùng biện trước hội đồng khoa học  | 5 | Học kỳ 6 | Báo cáo   |

Bình Dương, ngày ..... tháng 6 năm 2021

**HIỆU TRƯỞNG**

Đã ký

TS. Nguyễn Quốc Cường